

Số: 163/CBTT-CN&MTĐT
V/v công bố Báo cáo thường niên
năm 2021

Đồng Tháp, ngày 14 tháng 4 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GD&ĐT HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: (0277) 3853332 Fax: (0277) 3852825

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phan Văn Sang

Địa chỉ: Số 18, ấp 3, xã Phương Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0914.415.882

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.

Thông tin này đã được công bố trên website của Công ty: www.dowasen.com, tại chuyên mục Quan hệ cổ đông từ ngày 14/4/2022.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (b/c), BKS (g/s);
- Lưu: VT, CBTT.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2021;

TUQ. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người thực hiện công bố thông tin



Phan Văn Sang



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP





VÌ CUỘC SỐNG CỘNG ĐỒNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2021



 Số 01, đường Tôn Đức Thắng, phường 01, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

 (84 0277) 3853 332

 (84 0277) 3852 825

 www.dowasen.com

MỤC LỤC

1

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán



THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro



Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp

Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN Cấp nước VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
Tên tiếng Anh:	DONG THAP WATER SUPPLY & URBAN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	DOWASEN
Giấy chứng nhận ĐKDN:	1400101205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 27/09/2006, thay đổi lần thứ 16 ngày 01/10/2021
Vốn điều lệ:	259,181,300,000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	259,181,300,000 đồng
Địa chỉ:	Số 1, Tôn Đức Thắng, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Số điện thoại:	(84 0277) 3853 332
Số fax:	(84 0277) 3852 825
Website:	www.dowasen.com
Mã cổ phiếu:	DWS
Logo:	

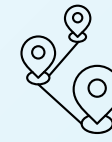




QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Sở Xây dựng Tỉnh được thành lập và hình thành các bộ phận trực thuộc sở, trong đó có Nhà Máy Nước Sa Đéc và Nhà Máy Nước Cao Lãnh.

Ngày 16/10/1989, Công ty Dịch vụ Cấp thoát nước tỉnh Đồng Tháp được thành lập theo quyết định số 28/QĐ-TL của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh trên cơ sở nền tảng của Xí nghiệp Cấp nước thị xã Cao Lãnh. Bộ máy tổ chức Công ty gồm 03 phòng nghiệp vụ, 01 đội thi công, 31 cán bộ công nhân viên. Với số vốn ban đầu là 10.086.000 đồng.



Tháng 10/1996, Công ty tiếp nhận và thành lập Nhà Máy Nước huyện Cao Lãnh.

1976

1983

1989

1992

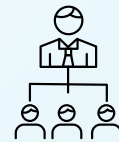
1994

1996

1998



Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh ra quyết định nâng Nhà Máy Nước Cao Lãnh thành Xí nghiệp Cấp nước thị xã Cao Lãnh.



Ngày 09/12/1992, Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh quyết định thành lập Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Cấp nước Tỉnh Đồng Tháp theo quyết định số: 132/QĐ.TL. Trụ sở chính đặt tại số 01 đường Nguyễn Huệ, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 15/01/1994, Công ty thành lập thêm Nhà Máy Nước huyện Lai Vung và huyện Châu Thành.



Ngày 18/04/1998, Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh ra quyết định số: 60/QĐUB.TL về việc chuyển Công ty Cấp nước thành doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích; trụ sở chính đặt tại số 44 đường 30/4, phường 01, thị xã Cao Lãnh.

Ngày 03/06/1998, Công ty thành lập Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư ngành nước trực thuộc Công ty, nay là Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư; trụ sở đặt tại số 01A đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thị xã Cao Lãnh.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (TT)

Công ty được giao quản lý 11 Nhà máy Cấp nước huyện, thị trong Tỉnh; trụ sở mới đặt tại số 01 đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thị xã Cao Lãnh.

2003

Ngày 16/03/2003, Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh ra quyết định số 16/QĐ.TL về việc sát nhập 02 công ty Xây lắp và Dịch vụ tại thị xã Sa Đéc và thị xã Cao Lãnh vào Công ty Cấp nước và đổi tên thành Công ty cấp thoát nước và Môi trường Đô thị Tỉnh Đồng Tháp.

Tháng 03/2004, Trạm Cấp nước huyện Lấp Vò được giao về cho Công ty quản lý.

2004



Ngày 21/09/2006, Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh ra quyết định số: 158/QĐ-UBND-TL về việc chuyển đổi tên Công ty Cấp thoát nước và Môi trường Đô thị Tỉnh Đồng Tháp thành Công ty trách nhiệm Hữu hạn một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.

2006

2017

Ngày 29/03/2017, Công ty tiến hành cổ phần hóa từ Công ty trách nhiệm Hữu hạn một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp thành Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.

2019

Ngày 05/01/2019, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp chính được chấp thuận đăng ký giao dịch trên UPCOM.

Ngày 01/11/2019, Công ty quyết định giải thể công ty con là Công ty nước Đồng Bình, với lý do: Nhà nước xác lập sở hữu toàn dân đối với tài sản công ty.

2021

Ngày 23/11/2021, Công ty điều chỉnh loại chứng khoán từ chuyển nhượng có điều kiện sang chuyển nhượng tự do đối với 32.000 cổ phiếu cho 16 cổ đông theo đề nghị của công ty.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (TT)

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



01 Huân chương lao động hạng nhất



01 Huân chương lao động hạng nhì



01 Huân chương lao động hạng ba



01 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ



01 Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ



02 Huân chương lao động hạng nhì



05 Huân chương lao động hạng ba cho cá nhân



Nhiều bằng khen, giấy khen, huy chương, kỷ niệm chương,... cho tập thể, cá nhân của các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp kinh doanh trong 02 ngành nghề chính là hoạt động ngành nước và hoạt động môi trường:



Hoạt động ngành nước gồm:

- o Sản xuất và phân phối nước sinh hoạt;
- o Sản xuất và phân phối nước đóng chai;
- o Dịch vụ tư vấn xây dựng công trình nước;
- o Xây dựng hệ thống cấp thoát nước.

Hoạt động môi trường:

- o Thu gom vận chuyển rác;
- o Dịch vụ hút hầm cầu, vệ sinh cống;
- o Chăm sóc hoa viên cây xanh;
- o Dịch vụ nghĩa trang và các dịch vụ khác: cho thuê phương tiện vận tải, máy móc xây lắp,...



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp được phép hoạt động khắp cả nước nhưng hiện nay hoạt động kinh doanh chủ yếu tập trung vào khu vực tỉnh Đồng Tháp.



Đồng Tháp

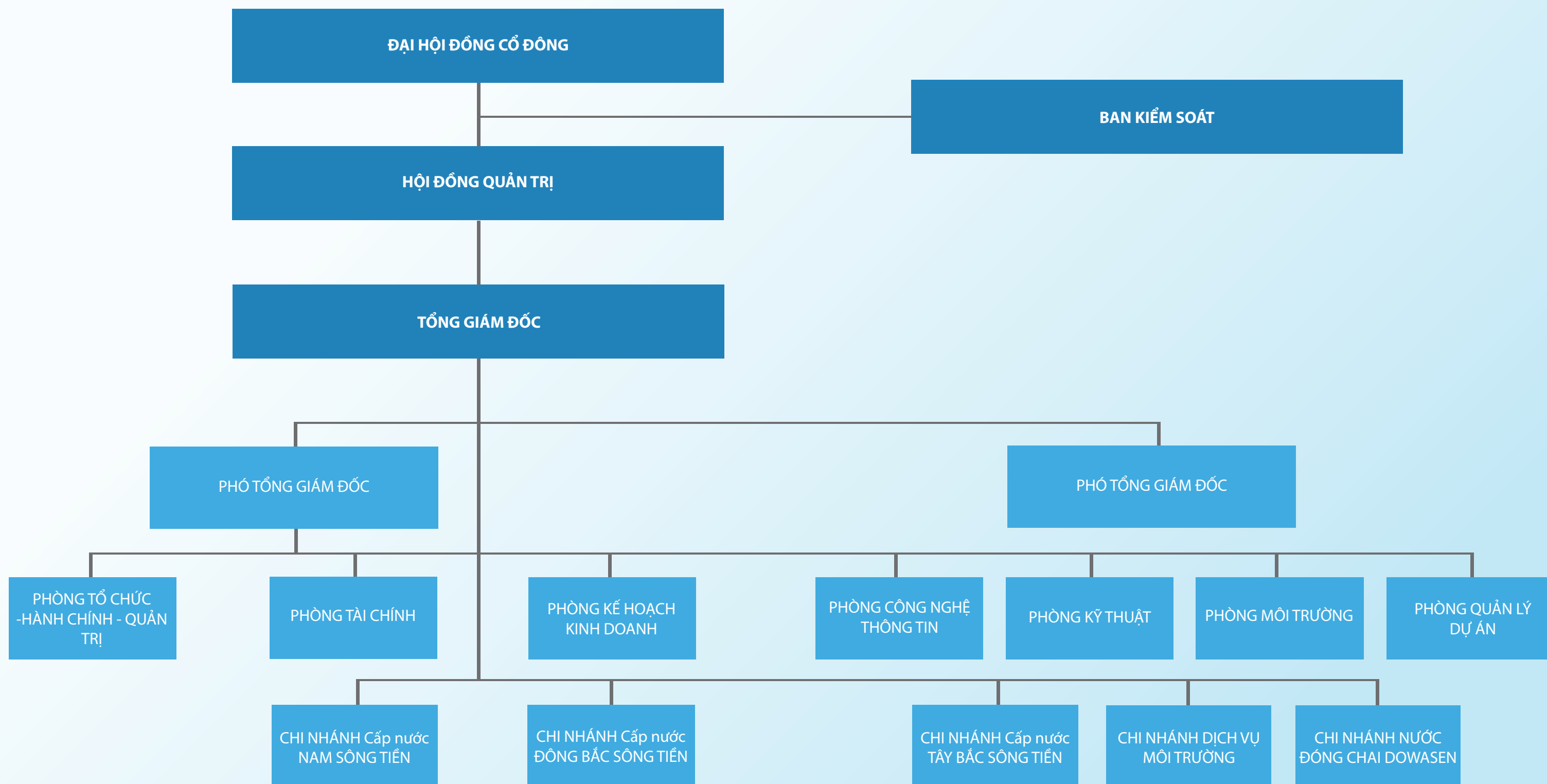


CÁC CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

CHI NHÁNH	ĐỊA CHỈ	SỐ ĐIỆN THOẠI	SỐ FAX
Chi nhánh Cấp nước Nam Sông Tiền	số 207b, Trần Hưng Đạo, phường 1, thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp	(0277) 3861 814	(0277) 3865 366
Chi nhánh Cấp nước Đông Bắc Sông Tiền	Số 01 Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	(0277) 3852 826	(0277) 3852 826
Chi nhánh Cấp nước Tây Bắc Sông Tiền	Quốc lộ 30, phường An Lộc, thành phố Hồng Ngự, Đồng Tháp	(0277) 3837 319	-
Chi nhánh Dịch vụ Môi trường	15/4, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	(0277) 2211 427	(0277) 3851 983
Chi nhánh Nước Đóng chai DOWASEN	Số 01, Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	(0277) 3538 999	(0277) 3538 789



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Công ty tiếp tục đầu tư để cải tạo, nâng cấp nhà máy, trạm xử lý nước và mạng lưới Cấp nước nhằm nâng cao hiệu quả công tác xử lý và cung Cấp nước; phấn đấu trở thành Công ty có dịch vụ Cấp nước hàng đầu khu vực.

Để giữ vững thương hiệu Công ty Cấp nước sạch và phục vụ vì lợi ích cộng đồng, Công ty đảm bảo việc Cấp nước đạt theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và đảm bảo nhu cầu dùng nước của nhân dân thuộc các địa bàn Công ty được giao quản lý mạng lưới Cấp nước.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục mở rộng các loại hình dịch vụ đô thị như: vệ sinh gia đình và cơ quan; trồng mới, chăm sóc hoa viên cây cảnh, thiết kế sân vườn; dịch vụ tang lễ: hỏa thiêu, lưu giữ tro cốt, xây mộ,... Mở rộng phạm vi thu gom rác thải trên địa bàn nội ô thành phố, thị xã, thị trấn và vùng ven ngoại ô, vùng nông thôn, củng cố mức độ nhận diện thương hiệu trên diện rộng.

Công ty luôn tôn trọng và tuân thủ pháp luật, quản trị Công ty minh bạch tạo sự phát triển mạnh mẽ, đồng thời tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, đoàn kết nhằm hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu kế hoạch được giao. Chú ý giữ vững ổn định hoạt động của Công ty sau khi cổ phần hóa và luôn có các giải pháp cụ thể để đảm bảo đưa Công ty tăng trưởng bền vững.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Công ty chủ yếu vẫn tập trung vào 03 lĩnh vực chính là Cấp nước, dịch vụ môi trường đô thị và nước đóng chai, đóng bình:

- Về Cấp nước: chú trọng việc định mức tiêu hao các loại nguyên nhiên vật liệu nhằm quản lý chặt chẽ và tiết kiệm chi phí. Tập trung nguồn lực mở rộng địa bàn ra các vùng ven đô thị và vùng nông thôn, kết nối mạng lưới đường ống giữa các huyện, thị thành phố nhằm đảm bảo Cấp nước an toàn, chiếm lĩnh thị phần và tăng khách hàng.

- Dịch vụ môi trường đô thị: chủ động trong công tác đấu thầu, nhận thầu, thực hiện xã hội hóa công tác thu gom rác thải và thu phí vệ sinh, chú trọng công tác vận chuyển và xử lý rác thải; tiếp tục phát triển mở rộng địa bàn và thực hiện có hiệu quả các dịch vụ môi trường; quản lý khai thác tốt nghĩa trang và lò hỏa thiêu.

- Nước đóng chai: phát triển thị trường tiêu thụ nước đóng chai, đóng bình đảm bảo vận hành có hiệu quả Nhà máy nước đóng chai, tăng doanh thu và lợi nhuận, nâng hình ảnh và thương hiệu cho công ty.

Bên cạnh việc tập trung vào những lĩnh vực chính, Công ty cũng luôn chú trọng đến bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý nguồn lực, tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ vững hình ảnh Công ty với châm ngôn "Vì cuộc sống cộng đồng".

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

DOWASEN tập trung phát triển hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa với mục tiêu xây dựng Công ty phát triển bền vững, sản xuất kinh doanh có hiệu quả với trình độ quản lý kết hợp ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường, đảm bảo đời sống cho người lao động, đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Công ty thực hiện kế hoạch chống thất thoát theo vùng, tuyến ống, phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát đến năm 2025 xuống dưới 18%. Ưu tiên các dự án chống thất thoát, thất thu nước sạch nhằm nâng cao năng lực vận hành hệ thống Cấp nước và giảm tỷ lệ thất thoát nước, bảo toàn lợi nhuận của Công ty.

Công ty từng bước chuyển dần sang khai thác sử dụng nước mặt, hạn chế sử dụng nước ngầm. Đến 2025 nâng tỷ lệ sử dụng nước mặt lên 80%, năm 2030 là 100%.

DOWASEN chủ trọng nâng cao hiệu quả thu phí vệ sinh hàng tháng đạt từ 90% trở lên và phát triển khách hàng tham gia dịch vụ thu gom rác thải trên địa bàn do Công ty đảm nhiệm bình quân đạt 95% vào năm 2025 và 100% vào năm 2030.

Công ty đẩy mạnh đầu tư các dự án trọng điểm để xây mới, cải tạo và mở rộng các nhà máy nước, hệ thống ống truyền dẫn, ống phân phối nước, vùng phục vụ để đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt và sản xuất.

Công ty cam kết thực hiện tốt công tác môi trường, dịch vụ công cộng theo hợp đồng do các địa phương khác giao, đồng thời tham gia đấu thầu hoặc nhận đặt hàng với chính quyền các địa phương thực hiện công tác vệ sinh môi trường với Công ty dài hạn, từ 03 – 05 năm.

DOWASEN thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý rác hợp vệ sinh, không để ảnh hưởng đến môi trường sống xung quanh và không vi phạm các quy định của Nhà nước.



RỦI RO KINH TẾ

Năm 2021, trước nhiều biến động của nền kinh tế - xã hội do sự bùng phát trở lại và kéo dài của dịch Covid-19, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chính sách chỉ đạo vừa đảm bảo phương châm “tính mạng của nhân dân là trên hết, trước hết” vừa phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh như thực hiện mục tiêu kép “đẩy lùi bệnh dịch và phát triển kinh tế” thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh. Tuy nhiên, các đợt giãn cách xã hội kéo dài đã gây đứt gãy chuỗi lưu thông hàng hóa và lao động, tình trạng thiếu việc làm xảy ra dẫn đến việc người dân cắt giảm chi tiêu; từ đó khiến tổng cầu của nền kinh tế giảm sâu. Cụ thể, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng 11 tháng giảm 10,4%, ảnh hưởng không nhỏ tới mục tiêu tăng trưởng của nền kinh tế. Trong khi đó, quá trình phục hồi của các hoạt động kinh tế sau giai đoạn cách ly xã hội kéo dài có thể phải đối mặt với nhiều trở ngại, việc nối lại các hoạt động sản xuất kinh doanh có thể gặp phải vấn đề thiếu hụt lao động và gián đoạn chuỗi cung ứng. Những tháng cuối năm 2021, tình hình kinh tế nước ta có dấu hiệu khởi sắc trở lại, chỉ số sản xuất công nghiệp tiếp tục tăng, hoạt động xuất nhập khẩu duy trì hiệu quả, tình hình đăng ký doanh nghiệp cũng trở nên tích cực hơn,... Bức tranh kinh tế Việt Nam đang phục hồi trở lại và bắt đầu tạo được “sức bật” mạnh mẽ cho thời gian tiếp theo.

Trong năm 2021, tỉnh Đồng Tháp đã vượt 15 chỉ tiêu kinh tế - xã hội, đây cũng là một điểm sáng trong bức tranh kinh tế cả nước. Cụ thể, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của Đồng Tháp duy trì 2,22%, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,36%, an ninh trật tự và an toàn xã hội được đảm bảo, an ninh quốc phòng được giữ vững. Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh đã đưa ra những kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2022 với nhiệm vụ trọng tâm là phòng, chống dịch bệnh và phát triển kinh tế thích ứng với điều kiện mới. Đây chính là cơ sở, nền tảng quan trọng để năm 2022 nền kinh tế Việt Nam nói chung và tỉnh Đồng Tháp nói riêng sẽ được phục hồi trong bối cảnh bình thường mới.

Với đặc thù lĩnh vực khai thác, phân phối nước sạch và vệ sinh môi trường - lĩnh vực thiết yếu trong đời sống, sinh hoạt và sản xuất, Công ty cũng ít bị tác động mạnh bởi các yếu tố thay đổi nhanh chóng của nền kinh tế. Tuy nhiên, không vì vậy mà Công ty Cấp nước và Môi trường Đồng Tháp chủ quan với tình hình chung, Ban Lãnh đạo Công ty luôn cập nhật và theo sát diễn biến kinh tế vĩ mô, nhằm đảm bảo nhận diện và ứng phó kịp thời với các rủi ro do tác động từ nền kinh tế.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống luật và văn bản dưới luật có liên quan như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động,... Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nhằm tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

DOWASEN luôn quan tâm đến khai thác và sử dụng tài nguyên nước, cũng như theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến Công ty nhằm hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong suốt quá trình hoạt động.



RỦI RO LÃI SUẤT

Theo báo cáo tài chính tổng hợp tính đến thời điểm quý III năm 2021, Công ty có tổng dư nợ cho vay lên đến hơn 159 tỷ đồng, trong đó vay ngắn hạn 63,800 tỷ đồng và vay dài hạn 95,747 tỷ đồng. Với tỉ lệ vay nợ khoảng 51.6% so với vốn chủ sở hữu, bất cứ biến động nhỏ nào về lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hiện nay lãi suất liên ngân hàng duy trì ở mức thấp hơn giai đoạn trước dịch Covid-19 (cuối năm 2019), thanh khoản thị trường tiền tệ dồi dào giúp các tổ chức tín dụng giảm áp lực chi phí vốn, sẵn sàng cung ứng vốn cho nền kinh tế nhưng vẫn kiểm soát được lạm phát. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo hệ thống tổ chức tín dụng chủ động cân đối khả năng tài chính để áp dụng lãi suất cho vay hợp lý; triệt để tiết giảm chi phí hoạt động, tập trung mọi nguồn lực để giảm lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ và đồng hành với doanh nghiệp vượt qua khó khăn do tác động bởi đại dịch Covid-19.

Mặc dù Ngân hàng Nhà nước chủ trương thực hiện những chính sách tiền tệ giúp giảm lãi suất hỗ trợ doanh nghiệp, tuy nhiên, DOWASEN vẫn cần phải liên tục theo dõi những biến động của lãi suất cho vay để kịp thời đưa ra những điều chỉnh về cơ cấu nguồn vốn, giảm thiểu tối đa những tác động từ rủi ro về lãi suất, đồng thời tận dụng cơ hội từ chính sách của chính phủ để có thể sử dụng được nguồn vốn với chi phí rẻ.





CÁC RỦI RO

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Với hoạt động chính là khai thác và cung Cấp nước sạch, trong quá trình hoạt động Công ty không tránh khỏi việc gây ra những tác động nhất định đến môi trường xung quanh khu vực nhà máy. Bên cạnh đó, chất lượng nước cung cấp cũng sẽ là yếu tố tác động trực tiếp đến đời sống dân cư. Đồng thời, DOWASEN cũng cung cấp dịch vụ về môi trường nên trong quá trình thực hiện, các hoạt động của doanh nghiệp ít nhiều sẽ có tác động đến môi trường sống tại địa phương. Cụ thể, hoạt động thu gom rác, vận chuyển và xử lý chất thải nếu không thực hiện tốt sẽ ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

RỦI RO NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO

Đối với một Doanh nghiệp Cấp nước như DOWASEN, đầu vào sản xuất sẽ bị ảnh hưởng bởi hai yếu tố chính là nước thô và nguyên liệu nước thô. Hiện nay, nguồn nước thô đến từ nguồn nước mặt và nước ngầm, vì vậy, với bất kỳ sự thay đổi nào về chất lượng và lưu lượng nước thô đều sẽ có tác động lớn đến quá trình xử lý nước và hoạt động kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó, nguyên liệu xử lý nước bao gồm Clo, Natri Hydroxyt được công ty mua từ nhà cung cấp nên chi phí đầu vào sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh.

Với tình trạng biến đổi khí hậu, thiên tai liên tục xảy ra làm nước sông đang dần bị ô nhiễm. Thêm vào đó, quá trình công nghiệp hóa càng làm gia tăng vấn đề ô nhiễm nguồn nước, làm ảnh hưởng đến nguồn nước thô của doanh nghiệp sản xuất nước sạch. Trong những năm qua, Đồng bằng sông Cửu Long là nơi chịu ảnh hưởng mạnh mẽ nhất của biến đổi khí hậu. Theo ước tính, nước biển dâng từ 0.73

Ý thức rõ điều đó và để giữ vững hình ảnh thương hiệu, Ban lãnh đạo Công ty luôn thận trọng, giám sát các hoạt động của mình để đảm bảo môi trường sống của cộng đồng luôn xanh - sạch - đẹp. Ngoài ra, Công ty còn có sự kiểm soát, đánh giá tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường. Hệ thống công nghệ áp dụng trong Công ty cũng được bảo trì định kỳ nhằm đảm bảo duy trì trạng thái hoạt động của máy móc ở mức tốt nhất để tạo ra dòng nước sạch phân phối đến khách hàng.

đến 1m trong vòng 100 năm tới, lượng nước ngọt giảm 30-35%, đó sẽ là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp nguồn cung Cấp nước của Công ty. Bên cạnh đó, tốc độ đô thị hóa nhanh chóng kéo theo nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân ngày càng gia tăng gây ra hiện tượng bê tông hóa bề mặt đất, làm thu hẹp diện tích bổ sung nước từ nguồn nước mưa cho mạch nước dưới đất, giảm khả năng tái tạo nguồn nước ngầm bị khai thác, từ đó gây nên sự thiếu hụt nguồn nước thô trong tự nhiên. Chính vì thế, Công ty luôn nỗ lực khai thác nguồn nước hợp lý đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, cũng như luôn tuân thủ các quy định của các cơ quan chức năng trong hoạt động khai thác và kinh doanh nước sạch để duy trì tài nguyên thiên nhiên.

RỦI RO THẮT THOÁT NƯỚC

Đối với các doanh nghiệp ngành Cấp nước, tỷ lệ thất thoát nước luôn được quan tâm hàng đầu vì nước chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá thành sản phẩm của Công ty. Nước rò rỉ được phân theo hai dạng chính là loại dễ thấy (nước tràn trên mặt đất) và loại khó thấy (nước chảy ngầm dưới lòng đất, chảy vào hệ thống cống thoát nước, đường ống nước có đoạn đi qua cầu, qua sông...) nên việc kiểm soát thất thoát là rất khó khăn.

Nguyên nhân dẫn đến việc thất thoát nước xảy ra do hệ thống đường ống Cấp nước đã cũ gây ra tình trạng rò rỉ ống nước ở mức cao hoặc do các tổ chức cá nhân trong quá trình thi công công trình làm bể đường ống Cấp nước khiến ống nước bị vỡ và nước bị chảy tràn lan ra ngoài. Ngoài ra, còn phải kể đến sự gian lận trong sử dụng nước của một bộ phận người dân còn thiếu ý thức, không chấp hành đúng quy định dẫn đến nguồn nước sạch bị thất thoát trầm trọng.

Tỷ lệ thất thoát nước cao gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như gây lãng phí đối với nguồn tài nguyên thiên nhiên quốc gia. Trước tình hình đó, Công ty thường xuyên tiến hành kiểm tra đường ống nước ngầm định kỳ để có thể thực hiện nâng cấp, duy tu các đường ống cũ kịp thời, ngoài ra, Công ty còn tiến hành kiểm tra chất lượng các đồng hồ nước tại nhà khách hàng và nhanh chóng thay thế những đồng hồ chạy không chính xác để giảm thiểu rủi ro.





2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

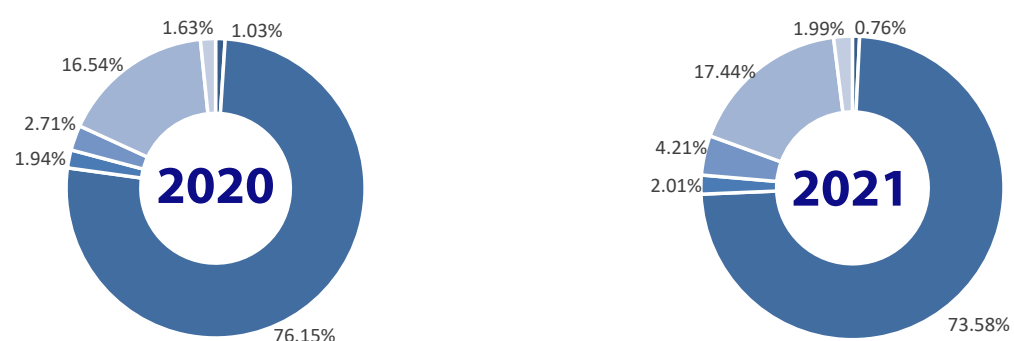
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Đơn vị tính: triệu đồng

Doanh thu thuần	Năm 2020		Năm 2021		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Doanh thu bán hàng hóa	3.692	1,03%	2.903	0,76%	-788	-21,35%
Doanh thu cung Cấp nước sinh hoạt	273.324	76,15%	281.131	73,58%	+7.807	+2,86%
Doanh thu nước đóng chai	6.967	1,94%	7.693	2,01%	+726	+10,42%
Doanh thu xây lắp	9.737	2,71%	16.091	4,21%	+6.354	+65,26%
Doanh thu dịch vụ thu gom rác	59.362	16,54%	66.645	17,44%	+7.282	+12,27%
Doanh thu dịch vụ khác	5.843	1,63%	7.613	1,99%	+1.771	+30,31%
Tổng cộng	358.925	100%	382.077	100%	+23.152	+6,45%

Cơ cấu doanh thu



- Doanh thu bán hàng hóa
- Doanh thu nước đóng chai
- Doanh thu dịch vụ thu gom rác
- Doanh thu cung Cấp nước sinh hoạt
- Doanh thu xây lắp
- Doanh thu dịch vụ khác

Trong năm 2021, nguồn doanh thu chính của Công ty là từ hoạt động cung Cấp nước sinh hoạt, cụ thể doanh thu từ hoạt động này chiếm 73,58% doanh thu, đạt hơn 281 tỷ đồng tương đương với mức tăng trưởng 2,86% so với năm 2020. Nguyên nhân của sự tăng trưởng này là do trong năm Công ty có sự gia tăng lượng khách hàng (tăng 17.261 khách hàng so với năm 2020); đồng thời, Công ty tập trung đầu tư sửa chữa, nâng công suất một số Nhà máy xử lý nước nhằm tối ưu hóa năng lực sản xuất, mở rộng địa bàn phục vụ kịp thời nhu cầu của khách hàng.

Lĩnh vực có tỷ trọng cao thứ hai trong cơ cấu doanh thu của Công ty là dịch vụ thu gom rác với tỷ trọng là 17,44%, dịch vụ này đã mang lại nguồn thu gần 67 tỷ đồng cho Công ty tăng 12,27% so với cùng kỳ, do trong năm Công ty đã mở rộng khu vực thu gom rác thải.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh có mức tăng trưởng ấn tượng tốt nhất của Công ty là lĩnh vực xây lắp với mức tăng trưởng 65,26% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là Công ty được nhận thêm một số công trình xây lắp từ các địa phương trong Tỉnh Đồng Tháp. Ngoài ra, các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty như nước Đóng chai và cung cấp các dịch vụ liên quan có tỷ trọng lần lượt là 2,01%; 1,99% trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Riêng doanh thu bán hàng hóa có mức tăng trưởng âm nhưng vì chiếm tỷ trọng không cao nên không ảnh hưởng đến tổng doanh thu của Công ty. Theo đó, tổng giá trị doanh thu của Công ty trong năm 2021 đạt 382 tỷ đồng tăng 6,45% so với cùng kỳ năm trước.

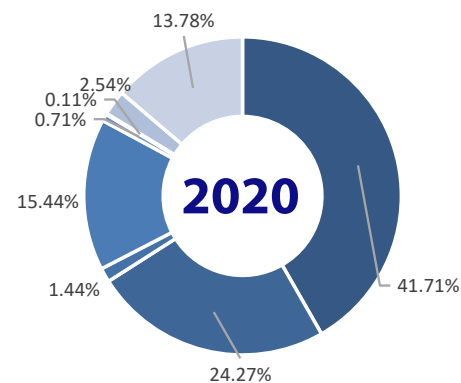


KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

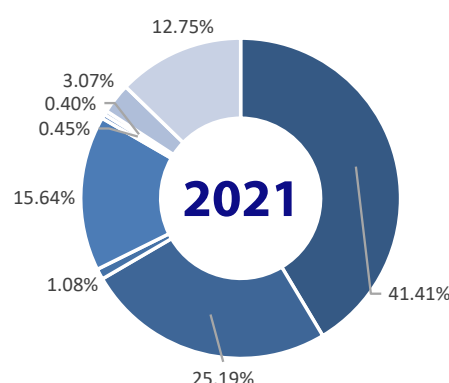
Đơn vị tính: triệu đồng

Chi phí	Năm 2020		Năm 2021		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Chi phí nhân công	133.381	41,71%	143.247	41,41%	+9.865	+7,40%
Chi phí nguyên vật liệu	77.600	24,27%	87.142	25,19%	+9.542	+12,30%
Chi phí công cụ dụng cụ	4.603	1,44%	3.735	1,08%	-867	-18,84%
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.368	15,44%	54.090	15,64%	+4.722	+9,57%
Thuế, phí và lệ phí	2.264	0,71%	1.547	0,45%	-717	-31,67%
Hoàn nhập/bổ sung chi phí dự phòng	352	0,11%	1.394	0,40%	+1.042	+296,07%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.125	2,54%	10.612	3,07%	+2.486	+30,60%
Chi phí bằng tiền khác	44.065	13,78%	44.117	12,75%	+52	+0,12%
Tổng cộng	319.759	100%	345.884	100%	+26.125	+8,17%

Cơ cấu chi phí



- Chi phí nhân công
- Chi phí công cụ, dụng cụ
- Thuế, phí và lệ phí
- Chi phí dịch vụ mua ngoài



- Chi phí nguyên vật liệu
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Hoàn nhập/bổ sung chi phí dự phòng
- Chi phí bằng tiền khác

Trong năm 2021, với lượng khách mới cao và hoạt động sản xuất kinh doanh sôi nổi nên tổng giá trị doanh thu của Công ty tăng kéo theo chi phí giá vốn cũng tăng gần 22 tỷ đồng. Trong đó, chi phí nhân công có tỷ trọng cao nhất với 41,41% tổng chi phí tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước do Công ty phải thực hiện cải tạo sửa chữa nâng công suất một số trạm, thay đồng hồ cho khách hàng định kỳ. Ngoài chi phí nhân công, chi phí nguyên vật liệu cũng tăng với mức là 12,30% do Công ty đã đẩy mạnh sản xuất trong năm. Thêm vào đó, để tránh và phòng chống dịch Covid – 19 trong công tác sản xuất, Công ty đã thành lập tổ, đội và mua sắm một số trang thiết bị cần thiết cũng làm chi phí

tăng của Công ty tăng lên trong năm. Đối với chi phí khấu hao tài sản cố định trong năm 2021 có giá trị là 54 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 15,64% trong tỷ trọng cơ cấu chi phí của Công ty. Các chi phí bằng tiền khác chiếm 12,75% trong cơ cấu chi phí của Công ty nhưng có mức tăng nhẹ vào khoảng 0,12% nên không gây nhiều ảnh hưởng đến tổng chi phí. Theo đó, tổng chi phí trong năm 2021 là gần 346 tỷ đồng tăng 26 tỷ đồng tương ứng với mức tăng 8,17%. Nhìn chung, chi phí của Công ty tăng tương ứng với mức tăng của doanh thu thực hiện nên không gây ảnh hưởng tiêu cực đáng kể đến tình hình hoạt động của Công ty.

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2020	KH 2021	TH 2021	TH 2021/ TH 2020	TH 2021/ KH 2021
Doanh thu thuần	358.925	340.300	382.077	160,45%	112,27%
Lợi nhuận trước thuế	30.417	29.600	37.084	121,92%	125,28%
Lợi nhuận sau thuế	26.711	26.640	32.007	119,82%	120,14%

Năm 2021 là một năm kinh tế đầy biến động khi dịch bệnh diễn biến phức tạp và tồn tại nhiều rủi ro. Ban lãnh đạo Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình trong việc điều hành sản xuất, giúp Công ty hoàn thành các mục tiêu về doanh thu và lợi nhuận theo Nghị Quyết, Quyết định mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua. Tổng giá trị doanh thu thuần trong năm 2021 được ghi nhận là hơn 382 tỷ đồng, vượt 12,27% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt hơn 37 tỷ đồng, đạt 125,28% so

với chỉ tiêu đề ra. Nguyên nhân là do trong năm 2021, Công ty đã mở rộng được địa bàn hoạt động kinh doanh. Số lượng khách hàng mới mà Công ty cung cấp dịch vụ tăng lên đáng kể khiến cho hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả và thu lại lợi nhuận cao. Bằng các chiến lược kinh doanh phù hợp với đặc điểm kinh tế thị trường, Công ty cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp đã hoạt động sản xuất kinh doanh vượt chỉ tiêu đề ra, ngày càng phát triển và mở rộng mạng lưới.

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Tính tại ngày 31/12/2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Văn Tấn	Tổng Giám đốc	0	0,00%
2	Nguyễn Thượng Vũ	Phó Tổng Giám đốc	52.600	0,20%
3	Nguyễn Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	8.000	0,03%
4	Hoàng Quốc Hưng	Kế toán trưởng	31.900	0,12%



LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Trần Văn Tấn

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1972

Nơi sinh: Đồng Tháp

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Số 33, Lê Văn Mỹ, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Quá trình công tác:

- 12/1997 - 08/1999: Cán bộ kỹ thuật thi công, Công ty Xây dựng số 8 – Tổng Công ty Xây dựng số 1.
- 09/1999 - 01/2001: Cán bộ kỹ thuật Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật, Ban QLDA ngành Xây dựng – Sở XD Đồng Tháp.
- 01/2001 - 12/2002: Phó trưởng Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật, Ban QLDA ngành Xây dựng – Sở XD Đồng Tháp.
- 12/2002 - 08/2007: Chuyên viên nghiên cứu khối XD CB, Văn phòng UBND tỉnh Đồng Tháp.
- 08/2007 - 06/2011: Phó Trưởng Phòng Nghiên cứu, Văn phòng UBND tỉnh Đồng Tháp.
- 06/2011 - 09/2014: Trưởng Phòng Kinh tế ngành, Văn phòng UBND tỉnh Đồng Tháp.
- 09/2014 - 08/2019: Đảng ủy viên, Bí thư Chi bộ Văn phòng, Phó Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp.
- 08/2019 - 08/2021: Đảng ủy viên, Phó Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Thương mại, Du lịch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp.
- 09/2021 - 09/2021: Được cử là người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.
- 01/2021 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu (6.433.800 cổ phiếu đại diện sở hữu cho UBND tỉnh Đồng Tháp)

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



Ông Nguyễn Thượng Vũ

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1966

Nơi sinh: Lạng Sơn

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Số 200 đường Hùng Vương, Phường 2, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ hóa học (Thực phẩm)

Quá trình công tác:

- 08/1999 – 03/2003: Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty Cấp nước Đồng Tháp.
- 01/2014 – 03/2015: Đảng ủy viên, Phó Bí thư Chi bộ Văn phòng Công ty 1, Phó Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.
- 07/2015 – 03/2017: Bí Thư Đảng Ủy – Phó Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.
- 03/2017 – 04/2017: Bí Thư Đảng Ủy – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.
- 04/2017 – 06/2020: Bí Thư Đảng Ủy – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.
- 06/2020 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 52.600 cổ phiếu (2.218.540 cổ phiếu đại diện sở hữu cho UBND tỉnh Đồng Tháp)

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Vợ

Tài khoản GDCK: Chưa lưu ký

Chức vụ tại Công ty: Phó phòng Môi trường

Số CMND: 341519278 - Ngày: 17/07/2017 - Nơi cấp: Đồng Tháp

Địa chỉ liên hệ: 200, Hùng Vương, P2, TP Cao Lãnh Đồng Tháp

Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ: 42.300 tương đương 0,164% vốn điều lệ



Ông Nguyễn Anh Dũng

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1965

Nơi sinh: Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Số 165 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tổng hợp

Quá trình công tác:

- 08/2015 – 03/2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.
- 03/2017 – 04/2017: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.
- 04/2017 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 8.000 (2.218.540 cổ phiếu đại diện sở hữu cho UBND tỉnh Đồng Tháp)

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc - Vợ

Tài khoản GDCK: Không

Chức vụ tại Công ty: Không

Số CMND: 051160007384 - Ngày: 11/08/2021 - Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ liên hệ: Số 165 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ: 50.000 tương đương 0,193% vốn điều lệ



Ông Hoàng Quốc Hưng

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính

Năm sinh: 1970

Nơi sinh: Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Số 65 đường Hòa Đông, phường Hòa Thuận, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng

Quá trình công tác:

- 10/1990 – 08/1996: Nhân viên Trung tâm Dịch vụ Du lịch Cao Lãnh.
- 09/1996 – 03/2003: Kế toán viên, phụ trách kế toán tại đơn vị trực thuộc Công ty.
- 04/2003 – 12/2008: Kế toán viên tại Phòng Tài vụ Công ty.
- 01/2009 – 04/2019: Phó Trưởng Phòng Tài chính Công ty.
- 05/2019 đến nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính Công ty.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 31.900 cổ phiếu, tương đương 0,12% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

Họ và tên: Hồ Thị Thanh Trúc - Vợ

Tài khoản GDCK: Không

Chức vụ tại Công ty: Không

Số CMND: 023124602 - Ngày: 06/01/2011 - Nơi cấp: TP HCM

Địa chỉ liên hệ: Số 65 đường Hòa Đông, phường Hòa Thuận, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ: 2.200 tương đương 0,0085% vốn điều lệ

Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm 2021:

Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Văn Đễ từ ngày 01/10/2021

Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Trần Văn Tấn từ ngày 01/10/2021

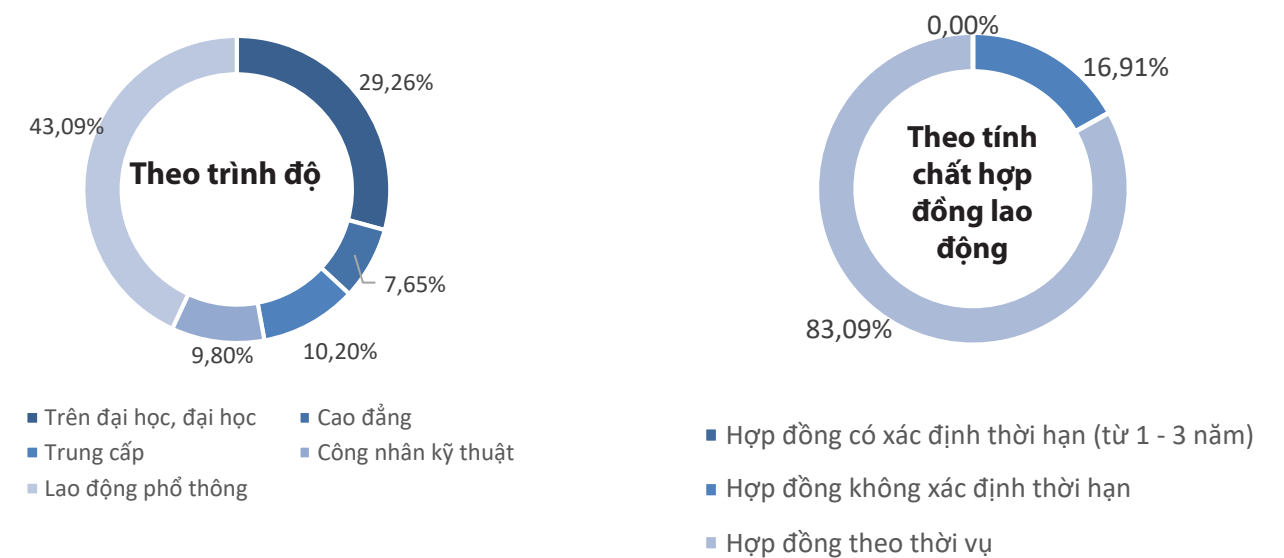
SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tính tại ngày 31/12/2021

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	745	100%
1	Trên đại học, đại học	218	29,26%
2	Cao đẳng	57	7,65%
3	Trung cấp	76	10,20%
4	Công nhân kỹ thuật	73	9,80%
5	Lao động phổ thông	321	43,09%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	745	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn (từ 1 - 3 năm)	0	0,00%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	126	16,91%
3	Hợp đồng theo thời vụ	619	83,09%
C	Theo giới tính	745	100%
1	Nam	574	77,05%
2	Nữ	171	22,95%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng người lao động (người)	692	697	718	745
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	11.100.000	12.200.000	12.400.000	12.600.000



Tỷ lệ theo giới tính



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về đào tạo:

Nhân lực được DOWASEN xem là chìa khóa quan trọng cho sự phát triển lâu dài của Công ty, vì vậy Công ty luôn khuyến khích người lao động tham gia các khóa đào tạo để nâng cao tay nghề chuyên môn cũng như năng lực nghiệp vụ. Các khóa đào tạo được Công ty kết hợp xen kẽ giữa đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài, đào tạo ngắn hạn và đào tạo dài hạn tùy thuộc vào nhu cầu và mục đích của khóa đào tạo.

Về tuyển dụng:

Để đảm bảo Công ty tuyển dụng được nhân lực đáp ứng đầy đủ yêu cầu về trình độ chuyên môn cũng như năng lực phù hợp với định hướng phát triển của Công ty, quy trình tuyển dụng được diễn ra chặt chẽ, công bằng, công khai và minh bạch.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ:

DOWASEN luôn đảm bảo thực hiện tốt các quy định của Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế như: nghỉ phép, nghỉ ốm, lễ tết, chế độ thai sản... Công ty luôn cố gắng theo sát tiến độ làm việc của nhân viên để đảm bảo công bằng, công khai trong mọi chính sách lương, thưởng gắn liền với hiệu quả làm việc. Bên cạnh đó, nhằm tạo động lực cho cán bộ nhân viên gắn bó lâu dài, Công ty đã cung cấp lộ trình thăng tiến rõ ràng cho nhân viên.

Thêm vào đó, Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng cho từng cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc cũng như có những đóng góp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời Công ty chú trọng áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động và hình ảnh của Công ty.

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn: Không có

Các công ty con, công ty liên kết: Không có

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

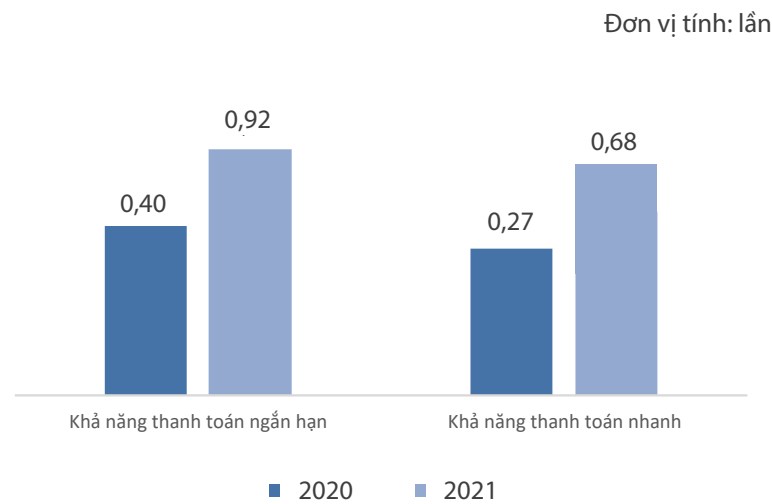
Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	%2021/2020
1	Tổng doanh thu	360.517	389.517	108,04%
2	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30.417	30.846	101,41%
3	Lợi nhuận trước thuế	30.416	37.084	121,92%
4	Lợi nhuận sau thuế	26.711	32.007	119,83%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

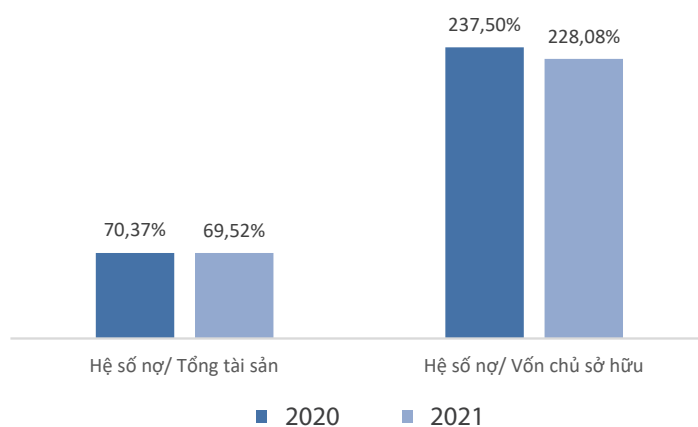
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,40	0,92
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,27	0,68
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	70,37%	69,58%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	237,50%	228,70%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	8,09	8,76
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,35	0,37
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	7,44%	8,38%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	8,88%	10,25%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	2,63%	3,08%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	8,59%	8,07%

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:



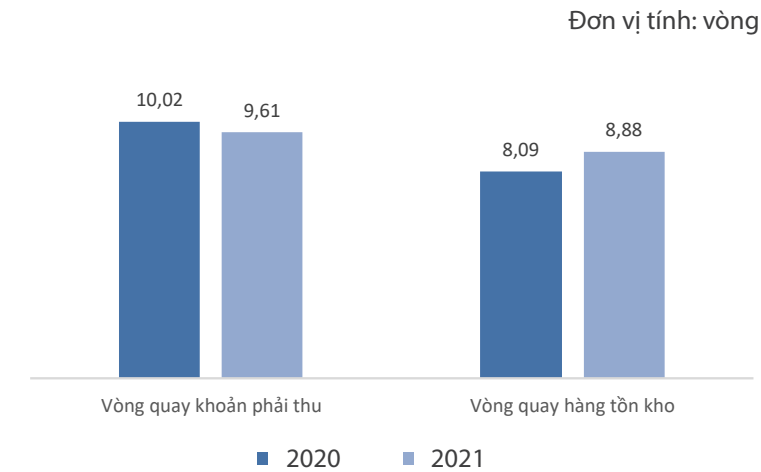
Các chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty trong năm đều có sự tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước. Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty tăng từ 0,40 lần lên 0,92 lần (tăng 0,52 lần); tương tự, hệ số thanh toán nhanh của Công ty tăng 0,41 lần từ 0,27 lần lên 0,68 lần. Nguyên nhân chính là do nợ ngắn hạn của Công ty trong năm 2021 giảm và tài sản ngắn hạn tăng trong năm. Cụ thể, nợ ngắn hạn của Công ty trong năm 2021 đã giảm hơn 4 tỷ đồng và tài sản ngắn hạn tăng gần 14 tỷ đồng tương ứng với mức tăng 13,25% so với cùng kỳ năm trước. Công ty luôn cố gắng cải thiện thanh khoản nhằm đáp ứng nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tăng uy tín đối với khách hàng.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:



Tính đến thời điểm cuối năm 2021, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty có xu hướng giảm nhẹ. Cụ thể, hệ số nợ/tổng tài sản đạt 69,58% và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu đạt 228,70%. Nguyên nhân là do hệ số nợ của Công ty ghi nhận giảm trong năm do Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ nợ ngắn hạn. Bên cạnh đó, trong năm qua Công ty tăng cường dự trữ thêm tiền mặt và các khoản tiền gửi Ngân hàng Thương mại nhằm đối phó với rủi ro có thể xảy ra trong thời kỳ dịch bệnh; đồng thời Công ty đầu tư thêm một số tài sản cố định nhằm đảm bảo cho sự vận hành của Công ty khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát. Điều này đã khiến cho tổng tài sản của Công ty tăng. Ngoài ra, vốn chủ sở hữu cũng được ghi nhận tăng trưởng chủ yếu đến từ sự gia tăng của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ đầu tư phát triển.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:



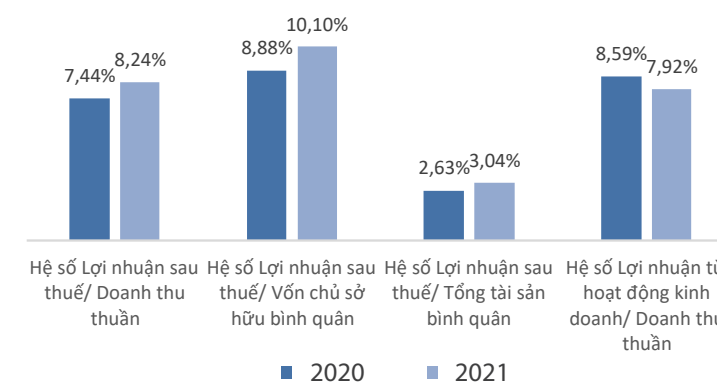
Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty trong năm nhìn chung có chuyển biến tích cực so với năm trước đó. Vòng quay hàng tồn kho có mức tăng 0,79 vòng (từ 8,09 vòng lên 8,88 vòng) do Công ty hạn chế dự trữ hàng tồn kho và phát sinh thêm giá vốn hàng bán. Trong năm 2021, công ty mở rộng địa bàn kinh doanh và có một lượng khách hàng khá lớn là nguyên nhân cho việc giá vốn hàng bán của Công ty tăng.

Ngoài ra, mặc dù tổng tài sản trong năm 2021 của Công ty tăng nhưng mức tăng này không gây ảnh hưởng đáng kể đến chỉ số vòng quay tài sản do mức

tăng trưởng ấn tượng của doanh thu mà Công ty thực hiện khiến cho vòng quay tài sản tăng từ mức 0,35 vòng trong năm 2020 lên mức 0,37 vòng trong năm 2021.

Bên cạnh đó, chỉ số vòng quay khoản phải thu có sự sụt giảm từ 10,02 vòng xuống còn 9,61 vòng (giảm 0,41 vòng), nguyên nhân là do Công ty nới lỏng hoạt động thu tiền cung Cấp nước sinh hoạt nhằm hỗ trợ người dân vượt qua khó khăn trong thời kỳ dịch bệnh. Các chỉ số trên cho thấy Công ty đã sử dụng hiệu quả nguồn lực hiện có của doanh nghiệp.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi:



Năm 2021, mặc dù phải đối mặt với những khó khăn trong thời gian dài do phải đối mặt với sự bùng phát trở lại của đại dịch Covid-19, tất cả các chỉ số khả năng sinh lợi của Công ty đều tăng so với năm 2020 do Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung Cấp nước và các dịch vụ môi trường – đều là những dịch vụ thiết yếu đối với đời sống người dân. Lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm có mức tăng trưởng tốt, đạt hơn 31 tỷ đồng (tăng 17,93%) và chi phí hoạt động không có sự biến động quá lớn đã làm cho chỉ số ROS tăng từ 7,44% lên 8,24%; ROE tăng từ 8,88% lên 10,10%; ROA tăng từ 2,63% lên 3,04% và chỉ số lợi nhuận từ hoạt động

kinh doanh trên doanh thu thuần tăng từ 8,59% lên 7,92%. Điều này cho thấy Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung mọi nguồn lực để phát triển hoạt động kinh doanh chính nhằm tối ưu hóa lợi nhuận. Đồng thời, trong năm qua Công ty đã không ngừng đẩy mạnh nâng cấp, mở rộng, phát triển các tuyến ống Cấp nước, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh. Đây là động lực lớn để khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát và nền kinh tế quay lại trạng thái ổn định, các chỉ tiêu sinh lời của Công ty sẽ cải thiện nhanh chóng.

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phiếu đã phát hành

25.918.130 cổ phần

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

25.918.130 cổ phần



Loại cổ phần

Cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần

10.000 đồng/cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tính tại ngày 26/11/2021

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	1	22.185.480	221.854	85,60%
II	Cổ đông trong nước	621	25.918.130	259.181	100%
1	Cá nhân	618	3.731.550	37.315	14,40%
2	Tổ chức	3	22.186.580	221.865	85,60%
III	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0%
1	Cá nhân	0	0	0	0%
2	Tổ chức	0	0	0	0%
Tổng cộng		621	25.918.130	259.181	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tính tại ngày 31/12/2021

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	UBND tỉnh Đồng Tháp	Số 12 đường 30/4, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	22.185.480	85,60%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

DOWASEN hoạt động trong ngành cấp thoát nước, vì vậy nguyên liệu chủ yếu của Công ty là các hóa chất dùng để xử lý nước như: Clo, PAC. Trong năm, các chi phí nguyên liệu xử lý nước này tăng do có sự điều chỉnh đơn giá, do đó để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nguyên liệu Công ty luôn tìm hiểu và khuyến khích người lao động đóng góp những sáng kiến mới nhằm sử dụng hiệu quả nguyên liệu đầu vào, cũng như có biện pháp sử dụng tỷ lệ hóa chất tối ưu để tối đa hóa lợi ích của Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty luôn chú ý lựa chọn nguồn cung cấp nguyên vật liệu đáng tin cậy nhằm giảm thiểu rủi ro mua phải hàng kém chất lượng, có khả năng gây hại cho môi trường sống và cộng đồng dân cư.

TIÊU THỤ NƯỚC

Với đặc thù của ngành Cấp nước, nước vừa là đầu vào trong quá trình sản xuất vừa là sản phẩm đầu ra của Công ty; nguồn nước được DOWASEN lấy chủ yếu từ sông và nguồn nước ngầm, sau quá trình xử lý: lắng, lọc nước, diệt khuẩn,... nguồn nước thành phẩm được cung cấp đến người sử dụng thông qua hệ thống đường ống. Để đảm bảo nguồn nước sản xuất ra đạt chất lượng cao, Công ty thường xuyên tiến hành xét nghiệm mẫu nước theo tiêu chuẩn trong QCVN 01:2009/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt.



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty lập báo cáo đánh giá tác động môi trường mỗi năm nhằm đảm bảo công nghệ sản xuất nước sạch của Công ty phù hợp với tiêu chuẩn môi trường theo quy định. Ngoài ra, các đoàn kiểm tra giám sát về môi trường của tỉnh và cơ quan thẩm quyền cũng thường xuyên đến để kiểm tra và đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo vệ sinh và môi trường.

Trong những năm qua, Công ty hoàn toàn tuân thủ pháp luật và không bị xử phạt vi phạm liên quan đến các quy định về môi trường.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Năng lượng được Công ty tiêu thụ chủ yếu là điện năng dùng trong việc vận hành các hệ thống xử lý nước, máy bơm, cung cấp điện chiếu sáng cho khu vực nhà máy, văn phòng,... Do đó, Công ty luôn có chủ trương thực hiện kêu gọi cán bộ, công nhân viên của Công ty có ý thức sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

DOWASEN đã và đang tạo được việc làm ổn định cho cán bộ công nhân viên của mình, đồng thời tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy định dành cho người lao động cũng như luôn đảm bảo duy trì các chính sách phúc lợi đều đặn hàng năm cho người lao động trong Công ty. Kết quả đạt được thể hiện rõ trong những năm gần đây như: thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên được cải thiện tích cực, người lao động có được công việc ổn định, từ đó tinh thần gắn bó của họ với doanh nghiệp được nâng cao.

Bên cạnh đó, Công ty luôn duy trì thực hiện tốt công tác đoàn thể. Cụ thể, Công ty kết hợp cùng Chính quyền và công đoàn bình xét thi đua, thăm hỏi nhân viên ốm đau mỗi tháng nhằm đảm bảo sức khỏe và nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ công nhân viên trong Công ty.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Ngoài việc đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm của mình đối với xã hội và người lao động, Công ty còn đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng dân cư trong địa bàn thông qua các hoạt động từ thiện, tuyên truyền nhận thức,... Cụ thể, Công ty và toàn thể cán bộ người lao động cùng đồng lòng chung tay với cả nước trong các hoạt động hỗ trợ lương thực cho đồng bào vùng bão lũ, thiên tai và tích cực đóng góp vào quỹ tấm lòng vàng cũng như tích cực tham gia các phong trào hiến máu, tình nguyện trên địa bàn.

Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện chăm lo chính sách cho người lao động trong các dịp tết cổ truyền, hỗ trợ cho con cán bộ và công nhân viên trong công tác giáo dục khuyến học, đồng thời Công ty cũng tiến hành trao học bổng, trao quà cho các học sinh có thành tích trong học tập tốt nhưng có hoàn cảnh khó khăn. Ngoài ra, Công ty cũng chú trọng giải quyết chế độ hưu trí và các trường hợp nghỉ việc theo nguyện vọng của người lao động.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Công ty hiện chưa có các hoạt động liên quan đến thị trường vốn xanh.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Giả trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

PHÂN TÍCH TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2021, trong bối cảnh nền kinh tế trong và ngoài nước đang rơi vào trì trệ do ảnh hưởng từ đại dịch Covid; DOWASEN cũng chịu ảnh hưởng khiến cho hoạt động của Công ty gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu mà Hội đồng quản trị đề ra. Cụ thể, trước những điều kiện thuận lợi và khó khăn được Ban Tổng Giám đốc nhìn nhận, DOWASEN không ngừng mở rộng địa bàn, phát triển thêm khách hàng mới, làm thuê thêm các dịch vụ bên ngoài,...

Thuận lợi

DOWASEN luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ, giám sát của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Tháp trong việc thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước để Công ty đầu tư nguồn và mở rộng mạng lưới Cấp nước, đồng thời Công ty còn nhận được sự quan tâm và hỗ trợ của các Sở ban ngành tỉnh trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hiện nay, nhận thức của mọi người trong công tác bảo vệ môi trường ngày càng tăng nên số lượng người dân tham gia đăng ký sử dụng dịch vụ thu gom rác ngày càng cao, tạo điều kiện để Công ty tiếp nhận thêm địa bàn thu gom. Trong những năm qua, Công ty đã mở rộng địa bàn ra các khu vực như: TP. Hồng Ngự, huyện Tháp Mười, huyện Lấp Vò, các khu vực xã nông thôn mới của TP. Sa Đéc, TP. Cao Lãnh,... DOWASEN là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ mang tính công ích và không nhiều các đối thủ cạnh tranh trên cùng địa bàn nên thị trường và lượng khách hàng của Công ty tương đối ổn định và tăng trưởng đều hàng năm.

DOWASEN đã chuyển sang hình thức Công ty Cổ phần nên rất khó để huy động vốn trực tiếp từ các cổ đông Nhà nước như trước, những ưu đãi khi vay vốn thực hiện công trình cũng bị hạn chế. Trong khi đó, vay vốn ngân hàng thương mại thì gặp áp lực về lãi suất và thời gian hoàn vốn mà các dự án Cấp nước lại cần nguồn vốn đầu tư lớn nhưng tỷ suất sinh lời không cao nên không hấp dẫn được các nhà đầu tư; do đó Công ty phải đối mặt với khó khăn thiếu nguồn vốn đầu tư.

Chính phủ để ra chủ trương chuyển đổi khai thác nước ngầm sang nước mặt, vì vậy Công ty đã xây dựng kế hoạch sử dụng đất ở một số khu vực nhằm triển khai dự án xây dựng nhà máy nước mặt thay thế cho các nhà máy nước ngầm theo quy định. Tuy nhiên, các khu đất chưa được bố trí quy hoạch xây gây ra khó khăn cho Công ty trong việc sắp xếp cũng như triển khai việc di dời và đầu tư nguồn nước thay thế.

Phần lớn khu vực nội ô của các thị trấn, thị xã và thành phố hiện nay nhìn chung đã được cung Cấp nước đầy đủ, vì vậy việc mở rộng địa bàn, phát triển khách hàng sử dụng nước và dịch vụ vệ sinh môi trường chỉ còn lại chủ yếu ở các vùng ven đô thị và vùng nông thôn – đây là những khu vực vẫn còn nhiều bất cập và hạn chế khi đầu tư.

Bên cạnh đó, các đường ống nước đã được lắp đặt phải đối mặt với việc bị bể hoặc vỡ do các dự án công trình nâng cấp đô thị, cải tạo hạ tầng giao thông được xây dựng sau gây nên. Ngoài ra, cùng với việc tăng áp nên công tác chống thất thoát gặp rất nhiều khó khăn và phức tạp; mặc dù Công ty đã tích cực đẩy mạnh hoạt động giám sát các công trình và dò tìm và khắc phục, tuy nhiên tỷ lệ thất thoát nước nhìn chung vẫn còn khá cao.

Đối với các phương tiện, máy móc chuyên dụng cho hoạt động vệ sinh môi trường mà Công ty cung cấp khi hết niên hạn sử dụng hoặc thường xuyên hỏng hóc khiến cho tiến độ công việc bị ảnh hưởng cũng như ảnh hưởng đến chất lượng cung cấp dịch vụ thu gom rác của Công ty. Đồng thời, hai bãi rác là Bãi rác Đập Đá và Bãi rác Sa Đéc mà Công ty đang sử dụng để chứa lượng rác thải sinh hoạt lớn hiện đang quá tải và việc không có bãi rác dự phòng khiến cho quá trình đổ và xử lý rác thải tại bãi gặp nhiều khó khăn và tốn kém về chi phí.

Khó khăn

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC.

Công ty đã tích cực tổ chức vận động người dân thay đổi hình thức thanh toán tiền nước, tiền rác không dùng tiền mặt nhằm đảm bảo công tác thu tiền nhanh chóng và tiện lợi hơn trong tình hình dịch bệnh và giãn cách xã hội.

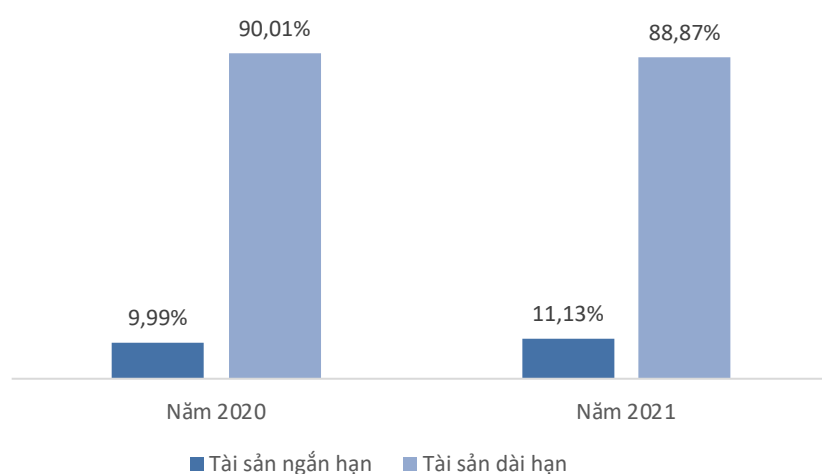
Đồng thời, Công ty cũng ứng dụng, cải tiến các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công tác quản lý sản xuất, đặc biệt đối với công tác vận hành sản xuất để nâng công suất các nhà máy Cấp nước, góp phần tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng và tăng sản lượng cung cấp, từ đó mang lại hiệu quả hoạt động to lớn cho Công ty.



TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Tài sản ngắn hạn	103.019	9,99%	116.675	11,13%	+13.656	+13,26%
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.733	30,80%	33.102	28,37%	+1.369	+4,31%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.700	3,59%	7.500	6,43%	+3.800	+102,70%
Các khoản phải thu ngắn hạn	34.063	33,06%	46.124	39,53%	+12.062	+35,41%
Hàng tồn kho	33.431	32,45%	29.825	25,56%	-3.606	-10,79%
Tài sản ngắn hạn khác	92	0,09%	124	0,11%	+31	+33,84%
Tài sản dài hạn	927.979	90,01%	931.309	88,87%	+3.329	+0,36%
Tài sản cố định	404.913	43,63%	443.912	47,67%	+38.999	+9,63%
Tài sản dở dang dài hạn	507.080	54,64%	471.061	50,58%	-36.018	-7,10%
Đầu tư tài chính dài hạn	84	0,01%	84	0,01%	-	0%
Tài sản dài hạn khác	15.903	1,71%	16.251	1,75%	+349	+2,19%
Tổng tài sản	1.030.998	100%	1.047.984	100%	+16.985	+1,65%

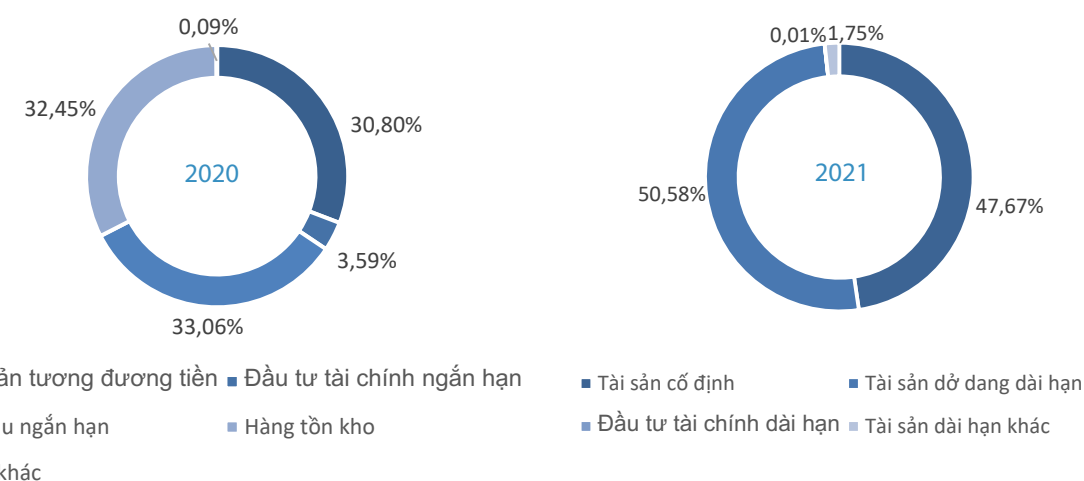


Trong năm 2021, tổng tài sản của Công ty tăng từ 1.031 tỷ đồng lên mức 1.048 tỷ đồng, tương đương với mức tăng trưởng là 1,65%. Trong đó, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng chủ yếu lên đến 92,40% tổng giá trị tài sản. So với thời điểm cuối năm 2020, tài sản ngắn hạn tăng hơn 13 tỷ đồng, tương đương 13,26% tổng tài sản; tài sản dài hạn tăng hơn 3 tỷ đồng, tương đương 0,36% so với năm 2020. Cơ cấu của từng nhóm tài sản cụ thể như sau:

Tài sản ngắn hạn

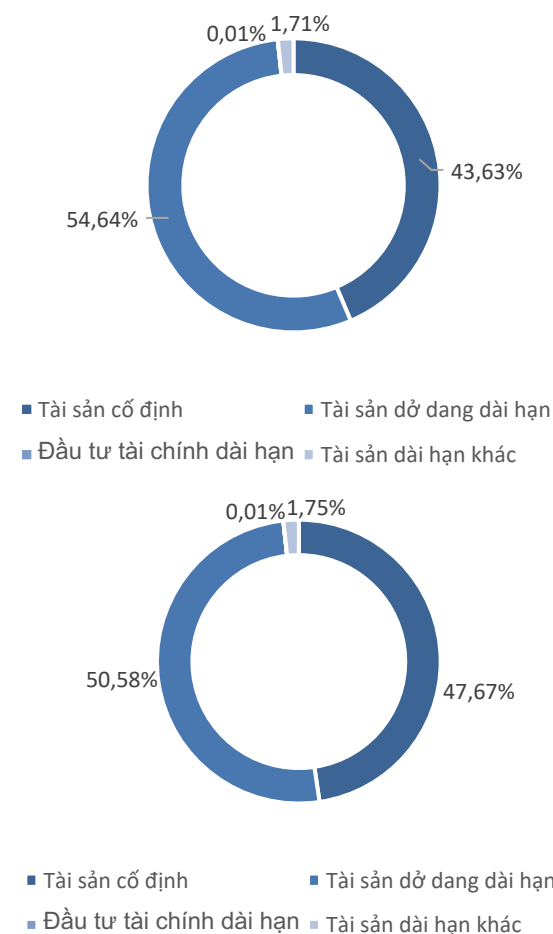
Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho là các khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản ngắn hạn. Trong năm vừa qua, khoản mục các khoản phải thu ngắn hạn có mức tăng cao nhất lên đến 33,33% từ 34 tỷ đồng lên 46 tỷ đồng; khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đạt 33 tỷ đồng, tương đương với mức tăng trưởng 4,31% so với năm 2020.

Với bối cảnh dịch Covid-19 bùng phát mạnh trong thời gian dài và tình hình kinh tế diễn biến khó lường, nhiều hộ gia đình gặp khó khăn trong việc trang trải các chi phí sinh hoạt hằng ngày, do đó Công ty đã có những chính sách nới lỏng thời hạn thu tiền nước sinh hoạt như một cách chia sẻ khó khăn với người dân trong mùa dịch, vì vậy trong năm qua khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu tài sản ngắn hạn của Công ty là các khoản phải thu ngắn hạn với 39%. Bên cạnh đó, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền chiếm 29% trong cơ cấu tài sản ngắn hạn cho thấy Công ty đã tăng cường việc nắm giữ các tài sản có tính thanh khoản cao để đảm bảo sự linh hoạt và chủ động trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản mục hàng tồn kho của Công ty chiếm 25% trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, tuy nhiên trong năm nay hàng tồn kho của Công ty giảm xuống còn 30 tỷ đồng, tương đương với mức giảm 10,79% so với năm trước do Công ty hạn chế các hoạt động đầu tư, xây dựng các dự án mới.



Tài sản dài hạn

Đặc thù của ngành cấp thoát nước đòi hỏi sự đầu tư nhiều vào tài sản cố định để phục vụ cho hoạt động cung Cấp nước sạch như hệ thống máy xử lý nước, mạng lưới ống cung Cấp nước, các bể chứa,... nên khoản mục tài sản cố định và khoản mục tài sản dở dang dài hạn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu tài sản dài hạn. Trong năm 2021, khoản mục tài sản cố định dài hạn của Công ty chiếm tỷ trọng 65% trong cơ cấu tài sản dài hạn, so với năm 2020 đây là khoản mục có mức tăng cao nhất từ từ 405 tỷ đồng lên 444 tỷ đồng, tương đương với mức tăng 9,63% do Công ty đã đầu tư thêm đối với nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị và các phương tiện vận tải truyền dẫn. Trong khi đó, khoản mục tài sản dở dang dài hạn chiếm tỷ trọng 34% trong cơ cấu tài sản dài hạn thì có sự giảm nhẹ từ 507.080 triệu đồng trong năm 2020 xuống còn 471.061 triệu đồng trong năm 2021 tương ứng với mức giảm 7,10% cho thấy Công ty vẫn còn nhiều công trình xây dựng còn chưa hoàn thiện do tình hình dịch bệnh và các chỉ thị giãn cách xã hội từ Chính phủ khiến cho các công trình xây dựng phải ngừng thi công trong thời gian dài.

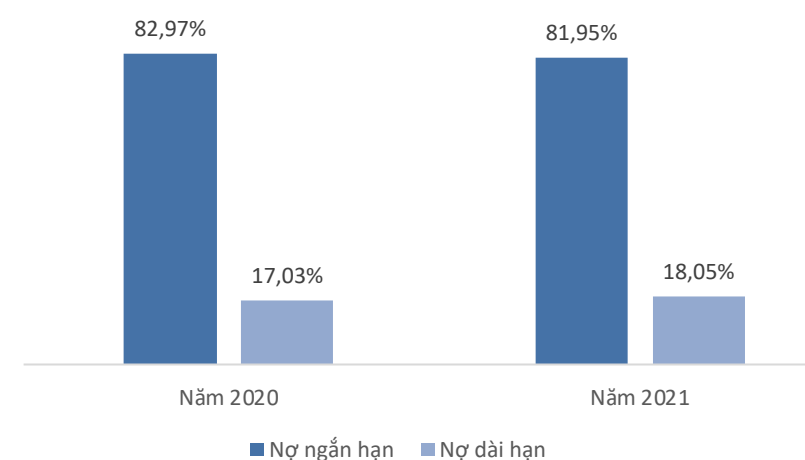


Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	415.963	252.530	60,71%
Máy móc, thiết bị	65.102	31.191	47,91%
Phương tiện, vận tải truyền dẫn	306.330	156.850	51,20%
Thiết bị dụng cụ quản lý	1.617	562	34,76%
Cộng	789.014	441.135	55,91%
Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	604	604	100%
Phần mềm máy vi tính	312	0	0%
Tài sản cố định vô hình khác	363	0	0%
Cộng	1.280	604	100%

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Nợ ngắn hạn	601.934	82,97%	597.546	81,95%	-4.387	-0,73%
Vay ngắn hạn	54.750	9,10%	65.134	10,90%	+10.384	+18,97%
Phải trả người bán	18.206	3,02%	11.827	1,98%	-6.379	-35,04%
Người mua trả tiền trước	2.152	0,36%	697	0,12%	-1.456	-67,63%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.612	0,77%	6.305	1,06%	+1.693	+36,71%
Phải trả người lao động	25.928	4,31%	27.438	4,59%	+1.511	+5,83%
Chi phí phải trả	8.906	1,48%	7.761	1,30%	-1.144	-12,85%
Các khoản phải trả, phải nộp khác	487.296	80,96%	478.353	80,05%	-8.942	-1,84%
Quỹ khen thưởng phúc lợi	83	0,01%	30	0,01%	- 53	-63,73%
Nợ dài hạn	123.580	17,03%	131.613	18,05%	+8.033	+6,50%
Phải trả dài hạn khác	23.716	19,19%	27.282	20,73%	+3.566	+15,04%
Vay nợ và thuê tài chính dài hạn	95.646	77,40%	94.341	71,68%	-1.305	-1,36%
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	4.218	3,41%	9.990	7,59%	+5.772	+136,85%
Tổng nợ phải trả	725.514	100%	729.159	100%	+3.646	+0,50%

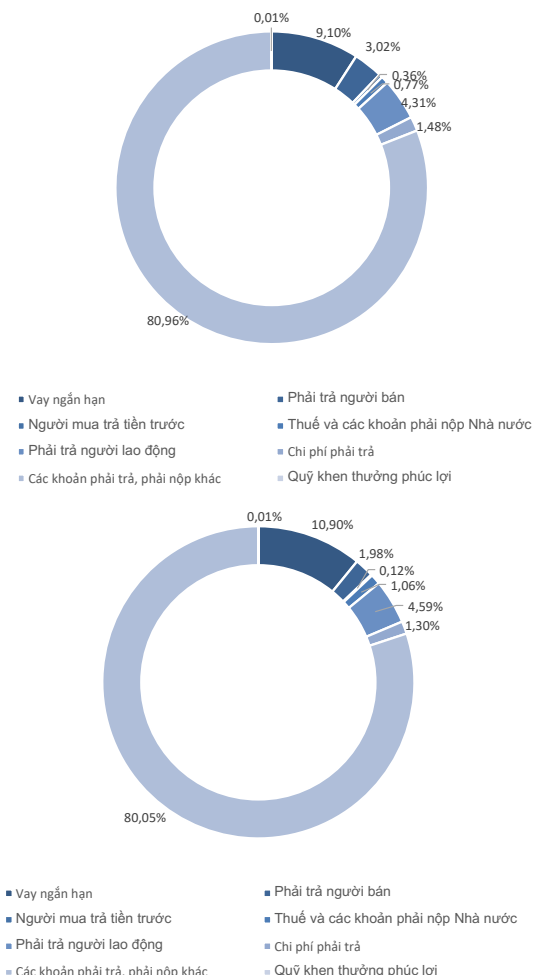


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Nợ ngắn hạn

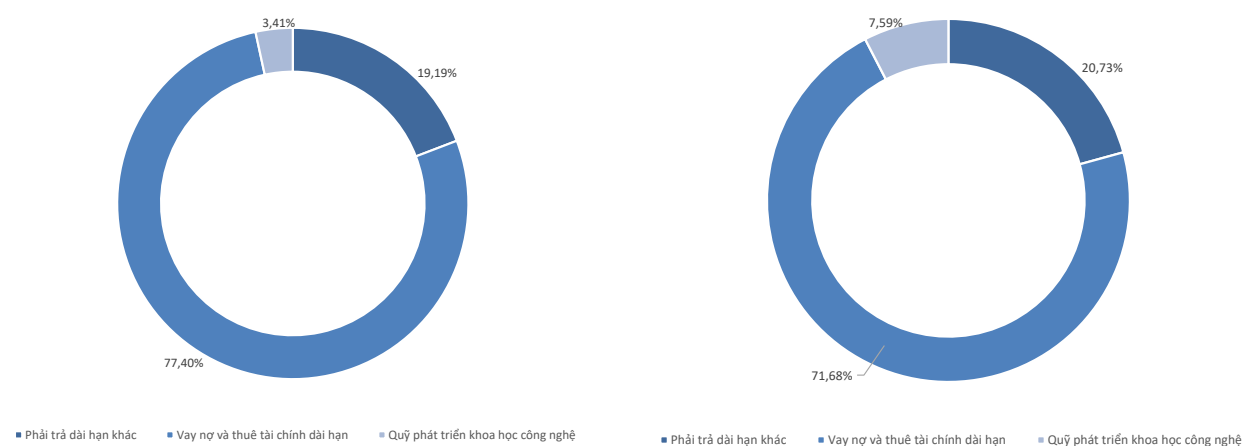
Trong năm vừa qua, khoản mục nợ ngắn hạn của Công ty chiếm tỷ trọng rất lớn, tuy nhiên so với năm 2020 thì không có nhiều biến động, qua đó có thể thấy rằng Công ty đã thực hiện tốt việc quản lý tỷ lệ khoản mục này và vẫn ưu tiên sử dụng nợ ngắn hạn để tài trợ cho các hoạt động kinh doanh trong năm. Khoản mục phải trả ngắn hạn khác chiếm tỷ trọng lớn nhất (hơn 80%) trong cơ cấu nợ ngắn hạn của Công ty, tuy nhiên khoản mục này giảm 7,29% so với năm trước đó; khoản mục vay nợ và thuê tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng 11% trong cơ cấu nợ ngắn hạn, trong năm khoản mục này tăng gần 19%.

Các khoản mục có sự biến động nhiều nhất trong năm lần lượt là: người mua trả tiền trước ngắn hạn (giảm 67,63%), phải trả người bán ngắn hạn (giảm 39,32%), thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tăng 35,28%). Điều này cho thấy rằng, dù hơn nửa năm 2021 phải đối mặt với những khó khăn khi dịch bệnh diễn biến phức tạp, tuy nhiên Công ty vẫn đảm bảo thực hiện trách nhiệm của mình đối với khách hàng



Nợ dài hạn

Khoản mục vay nợ và thuê tài chính dài hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty. Trong năm 2021, khoản mục này giảm 1,36% so với năm trước. Khoản mục quỹ phát triển khoa học công nghệ tuy chỉ chiếm 6% tỷ trọng trong cơ cấu nợ dài hạn, tuy nhiên năm nay khoản mục này có mức tăng trưởng lên đến 236,9% từ 4.217 triệu đồng lên 9.990 triệu đồng, Công ty đẩy mạnh việc đầu tư phát triển kỹ thuật công nghệ mới để nâng cao hiệu quả Cấp nước, từ đó giúp cho việc vận hành các chiến lược kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao hơn.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

DOWASEN luôn có những điều chỉnh về mặt tổ chức và quản lý để phù hợp với định hướng phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua. Bên cạnh đó, Công ty cũng tiếp tục đẩy mạnh công tác nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, các công nghệ kỹ thuật mới, vật tư, vật liệu, trang thiết bị hiện đại có tính năng ưu việt phù hợp với yêu cầu của hệ thống mạng lưới Cấp nước, công tác quản lý sản xuất và công tác quản lý khách hàng.

Trong suốt quá trình hoạt động, DOWASEN đã tổ chức họp giao ban định kỳ 02 tuần một lần với các phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc; đồng thời tổ chức các hội nghị chuyên đề nhằm đưa ra những giải pháp để giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Chi nhánh, từng bước nâng cao năng suất lao động, đặc biệt là nâng cao tinh thần trách nhiệm và tính chủ động của cán bộ quản lý cùng người lao động.



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH năm 2021	KH năm 2022	% KH 2022/TH 2021
1	Vốn điều lệ	259.181	259.181	100%
2	Tổng tài sản*	595.822	609.000	102,21%
3	Doanh thu thuần	382.076	376.400	98,51%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	35.907	31.300	87,17%
5	Lợi nhuận khác	1.177	-	-
6	Lợi nhuận trước thuế	37.084	31.300	84,41%
7	Lợi nhuận sau thuế	32.007	27.500	85,92%
8	Tỷ lệ cổ tức	5,7%	5,8%	101,75%

* Sau khi loại trừ các Dự án sẽ bàn giao sau khi hoàn thành

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

STT	Hạng mục đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
1	Lĩnh vực Cấp nước	117,6
2	Lĩnh vực môi trường	2,9



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2021, đơn vị kiểm toán Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư vấn UHY đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn phần đối với báo cáo của Công ty, vì vậy Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2021, dù tình hình kinh tế nước ta gặp nhiều khó khăn do sự bùng phát trở lại của dịch bệnh Covid-19 tuy nhiên Hội đồng quản trị đã ghi nhận được những nỗ lực của Ban điều hành và toàn thể người lao động của DOWASEN đã cùng nhau cố gắng, hoàn thành mục tiêu vượt kế hoạch lợi nhuận đề ra tại Đại hội đồng cổ đông thường niên cũng như những nỗ lực của Ban điều hành để thực hiện đúng các định hướng về vấn đề sản xuất và phân phối mà Hội đồng quản trị đã đề ra.

Trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, DOWASEN luôn chú trọng chỉ đạo, thẩm định, kiểm tra kỹ lưỡng và thực hiện các báo cáo đánh giá tác động đến môi trường của các dự án đầu tư để đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường sống. Bên cạnh đó, đối với cán bộ công nhân viên tại Công ty luôn được đảm bảo đầy đủ các loại bảo hiểm theo quy định của pháp luật; những nhân viên có hoàn cảnh khó khăn thì được Công ty hỗ trợ nguồn vốn cũng như hỗ trợ về mặt kinh tế; những nhân viên có năng lực, phù hợp với định hướng phát triển của Công ty sẽ được tiến hành bồi dưỡng để đưa lên những chức vụ cao hơn.

Ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh, Công đoàn cơ sở tại Công ty còn thực hiện trách nhiệm của một doanh nghiệp đối với cộng đồng, địa phương. Cụ thể như, Công ty luôn tích cực tham gia các hoạt động xã hội theo thời điểm do Liên đoàn Lao động tỉnh và Ủy ban mặt trận Tổ quốc kêu gọi ủng hộ, tổ chức xây dựng nhà tình thương, tặng học bổng cho học sinh nghèo, tham gia tài trợ các chương trình trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, khuyết tật, mồ côi,...



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm qua, Chủ tịch Hội đồng quản trị tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ với Ban Tổng Giám đốc và cán bộ chủ chốt của Công ty để giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị và đánh giá về việc triển khai thực hiện các chủ trương, Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị phối hợp với Ban kiểm soát Công ty thường xuyên theo dõi công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc đối với các vấn đề như:

- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và các Nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị;
- Chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện các giải pháp điều hành tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Lập báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường phát sinh hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Thực hiện việc báo cáo và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;
- Tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã theo sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và ghi nhận nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong công tác lãnh đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Hội đồng quản trị đã đề ra cùng với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Tổng Giám đốc đã chấp hành tốt các chính sách theo quy định của Nhà nước trong công tác quản lý điều hành Công ty.

Cụ thể, các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ với nhau và với các bộ phận khác trong công tác điều hành, triển khai và thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh, ngoài ra Ban Tổng Giám đốc cũng nắm rõ nguồn lực của Công ty và linh hoạt điều chỉnh kế hoạch, có nhiều giải pháp tốt để giúp DOWASEN thích ứng với những biến động của thị trường, từ đó thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với định hướng của Hội đồng quản trị, trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của Công ty, cổ đông và người lao động. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc đảm bảo hỗ trợ kịp thời, quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, duy trì môi trường làm việc ổn định, lành mạnh, thân thiện cho các cán bộ công nhân viên của Công ty.





CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tình hình kinh tế năm 2022 tại nước ta được đánh giá sẽ có triển vọng phát triển ổn định hơn, nhưng do tình hình dịch bệnh vẫn còn diễn biến rất phức tạp gây nên nhiều rủi ro tiềm ẩn cho Công ty, ngoài ra với tốc độ biến đổi khí hậu diễn ra nhanh chóng như hiện nay cùng với chính sách yêu cầu hạn chế khai thác nguồn nước ngầm cũng gây ra cho Công ty nhiều khó khăn. Tuy nhiên, đây cũng là cơ hội cho DOWASEN đầu tư phát triển các mạng lưới nhà máy sản xuất nước tập trung, đồng thời đẩy mạnh mở rộng mạng lưới khách hàng, nâng cao sản lượng tiêu thụ với định hướng phát triển đúng đắn và phù hợp với nguồn lực sẵn có của Công ty. Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị của DOWASEN đã xác định phương hướng hoạt động của Công ty năm 2022 như sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư các hoạt động mang lại nguồn doanh thu và lợi nhuận chính cho Công ty;
- Tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cân đối hài hòa giữa hiệu quả hoạt động kinh doanh và chức năng phục vụ xã hội;
- Tăng cường công tác dự báo, lập kế hoạch nhằm nâng cao năng lực quản trị tài chính của Công ty, tăng cường công tác giám sát, phát triển nguồn vốn, quản lý tốt công nợ, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và hiệu quả đầu tư;
- Tiếp tục tái cơ cấu toàn diện Công ty với phương châm tinh gọn về tổ chức bộ máy nhân sự, rà soát lại các hoạt động kinh doanh của Công ty ở từng sản phẩm, dịch vụ để có định hướng tập trung đầu tư và phát triển những hoạt động mang lại lợi nhuận cao, đồng thời giảm bớt các hoạt động kinh doanh không hiệu quả mang lại gánh nặng tài chính cho Công ty;
- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chuyển nguồn khai thác nước mặt thay thế nguồn nước ngầm để cung Cấp nước cho người dân trên địa bàn theo đúng với lộ trình và các tiêu chí đề ra đến 2030 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Tháp và kế hoạch đầu tư phát triển trong năm của Công ty;
- Tiếp tục giám sát, chỉ đạo công tác theo dõi việc phê duyệt, ban hành "Kế hoạch chiến lược phát triển hoạt động Cấp nước" và "Kế hoạch chiến lược phát triển hoạt động Môi trường" trong giai đoạn 2021 – 2025, 2026 – 2030 và định hướng sau năm 2030 trên địa bàn tỉnh;
- Tiếp tục chỉ đạo và giám sát công tác tiếp nhận, nâng cấp các dự án Cấp nước nông thôn trên địa bàn tỉnh, đảm bảo hài hòa giữa phát triển khách hàng, mở rộng mạng lưới, nâng cao chất lượng và phù hợp với quy định của Nhà nước;
- Tổ chức khai thác sử dụng có hiệu quả phần mềm GIS để quản lý hệ thống kỹ thuật, hạ tầng, đầu tư và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý mạng để phục vụ công tác xây dựng thành phố thông minh theo yêu cầu của Chính quyền thành phố;

- Xây dựng đội ngũ nhân sự, cán bộ chuyên nghiệp, có năng lực chuyên môn cao và nhiệt huyết trong công việc; có kế hoạch đào tạo đội ngũ nhân sự trẻ để bổ sung kịp thời theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tiếp tục quan tâm hơn nữa việc ứng dụng khoa học kỹ thuật trong công tác chăm sóc khách hàng, đảm bảo chất lượng cung Cấp nước sạch; nâng cao chất lượng và mở rộng địa bàn cung cấp dịch vụ thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt tại các địa phương còn lại trong tỉnh;
- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện hoàn thiện thể chế hoạt động của DOWASEN, bao gồm việc tập trung hoàn thiện các quy định, quy chế quản trị nội bộ, các cơ chế đảm bảo sự vận hành của Công ty theo đúng quy định của pháp luật;
- Tiếp tục giám sát việc thực hiện các báo cáo và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo đúng quy định của Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán, Sở Giao dịch chứng khoán nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, nhà đầu tư của Công ty;
- Thực hiện chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định của pháp luật;
- Xây dựng, triển khai để án phân loại rác tại nguồn thí điểm tại Trung tâm thành phố Cao Lãnh, từ đó nhân rộng ra toàn tỉnh, góp phần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân;
- Tổ chức rà soát các địa phương còn lại trong Tỉnh để có kế hoạch đăng ký tham gia đấu thầu cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường;
- Mở rộng kinh doanh, đa dạng các loại sản phẩm nước đóng chai, tích cực tìm kiếm nhà phân phối để cung cấp cho các đại lý để đạt mức tăng trưởng doanh thu qua từng năm;
- Công ty tiếp tục chủ động triển khai các biện pháp ngăn ngừa dịch bệnh, đồng thời tăng cường công tác dự trữ nguyên vật liệu sản xuất nước sạch để cung cấp cho người dân.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

Tính tại ngày 31/12/2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Văn Để	Chủ tịch HĐQT	57.700	0,22%
2	Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT	80.00	0,03%
3	Nguyễn Thượng Vũ	Thành viên HĐQT	52.600	0,20%
4	Trần Văn Tấn	Thành viên HĐQT	0	0,00%

Lý lịch Hội đồng quản trị



Ông Nguyễn Văn Để

Chức vụ hiện nay tại Công ty:	Chủ tịch HĐQT
Năm sinh:	1965
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	Số 138 đường Ngô Thời Nhậm, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Quá trình công tác:	<p>05/2003 – 09/2005: Phó Giám đốc Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.</p> <p>10/2005 – 04/2015: Giám đốc Chi nhánh Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.</p> <p>05/2015 – 03/2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.</p> <p>04/2017 – 09/2021: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.</p> <p>10/2021 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.</p>
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:	Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:	57.700 cổ phiếu, tương đương 0,22% vốn điều lệ (11.314.600 cổ phiếu đại diện sở hữu cho NN)
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:	Họ và tên: Trần Thị Thường - Vợ Tài khoản GDCK: Không Chức vụ tại Công ty: Không Số CMND: Số: 340270655 - Ngày: 21/06/2010 - Nơi cấp: Đồng Tháp Địa chỉ liên hệ: 138, Ngô Thời Nhậm, P1, Tp. Cao Lãnh, Đồng Tháp Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ: 100.000 tương đương 0,39% VĐL

Ông Nguyễn Anh Dũng, Ông Nguyễn Thượng Vũ , Ông Trần Văn Tấn:
Xem thông tin lý lịch tại Phần II – Thông tin Ban điều hành

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2021

Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với ông Phan Đình Hùng từ ngày 01/10/2021.
Bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Văn Để từ ngày 01/10/2021.
Bổ nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Trần Văn Tấn từ ngày 01/10/2021.

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty hiện không có các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

cũng như đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị cũng đã luôn tích cực theo dõi, giám sát thường xuyên các hoạt động kinh doanh của Công ty để nhanh chóng đề ra những chủ trương điều hành Công ty kịp thời để đạt được kết quả tốt trong năm tài chính vừa qua. Cụ thể, công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị tại DOWASEN gồm:

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng và linh động, đặc biệt đối với công tác nâng công suất các nhà máy, trạm Cấp nước và mở rộng mạng lưới Cấp nước, phát triển và nâng cao dịch vụ chăm sóc khách hàng;
- Giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban Tổng Giám đốc và đưa ra các quyết định, chỉ đạo kịp thời nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty;
- Tổ chức đầy đủ các cuộc họp để xem xét và giải quyết các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm của Hội đồng quản trị, từ đó ban hành các Nghị quyết, Quyết định quản trị Công ty;
- Giám sát chặt chẽ công tác quản lý, điều hành cũng như việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông để ra;
- Tổ chức thực hiện tốt theo các quy định của Chính phủ, từng bước hoàn thiện và nâng cao công tác quản trị Công ty; đồng thời tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định;
- Tăng cường công tác quản lý và giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban và chi nhánh trực thuộc Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT

Hội đồng quản trị đã tổ chức 15 phiên họp, cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Văn Để	Chủ tịch HĐQT	15/15	100%	
2	Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT	15/15	100%	
3	Nguyễn Thượng Vũ	Thành viên HĐQT	15/15	100%	
4	Trần Văn Tấn	Thành viên HĐQT	8/8	100%	Bổ nhiệm ngày 01/10/2021

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	55/NQ-HĐQT	19/02/2021	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <p>Vay vốn Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Đồng Tháp để mua sắm mới 02 xe ép rác 6 tấn phục vụ việc triển khai kế hoạch mở rộng công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn Tỉnh;</p> <p>Chủ trương vay vốn, bảo lãnh, mở thư tín dụng, chiết khấu,... và bảo đảm cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp năm 2021;</p> <p>Chủ trương về việc thực hiện các nhiệm vụ trong năm 2021;</p> <p>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</p>
2	56/NQ-HĐQT	09/02/2021	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <p>Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 (làm cơ sở trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua);</p> <p>Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2021;</p> <p>Kế hoạch lập thủ tục, xin chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân Tỉnh giai đoạn 2021-2025;</p> <p>Tổng số lao động bình quân thực hiện năm 2020 và tổng số lao động bình quân kế hoạch năm 2021;</p> <p>Chủ trương mở rộng vùng phục vụ, phát triển khách hàng ra các khu vực nông thôn;</p> <p>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền</p>
3	57/NQ-HĐQT	15/03/2021	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <p>Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán (làm cơ sở trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua);</p> <p>Kết quả đánh giá và đề nghị mức phân loại cán bộ lãnh đạo là Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty năm 2020.</p> <p>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</p>
4	58/NQ-HĐQT	19/04/2021	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <p>Nội dung báo cáo tài chính tổng hợp quý 1 năm 2021;</p> <p>Gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và chốt các mốc thời gian, nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;</p> <p>Thành lập Khu vực Dịch vụ vệ sinh môi trường huyện Lấp Vò, trực thuộc Chi nhánh Dịch vụ Môi trường và kế hoạch sắp xếp, bố trí nhân sự quản lý Khu vực;</p> <p>Chủ trương về việc bố trí, sắp xếp, điều động, bổ nhiệm nhân sự, cán bộ quản lý ở một số chi nhánh;</p> <p>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT (tiếp theo)

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
5	59/NQ-HĐQT	13/05/2021	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <p>Danh sách giới thiệu nguồn nhân sự đưa quy hoạch các chức danh Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty giai đoạn 2017-2021, để báo cáo về Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ theo quy trình, quy định.</p> <p>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</p>
6	60/NQ-HĐQT	31/07/2021	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <p>Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị do nghỉ hưu để hưởng chế độ BHXH theo quy định;</p> <p>Kế hoạch tổ chức ĐHCĐ bất thường năm 2021;</p> <p>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</p>
7	61/NQ-HĐQT	11/08/2021	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <p>Thay thế chi tiết công trình trong Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2021;</p> <p>Chủ trương vay vốn Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Tháp để đầu tư 02 dự án công trình Tuyến ống Nhà máy nước Nha Môn 2 đến chợ Phú Long và Tuyến ống D168, D60 từ cầu Trại Quán đến UBND xã Tân Phú Trung;</p> <p>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</p>
8	62/NQ-HĐQT	30/09/2021	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <p>Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty do thực hiện nhiệm vụ khác và nhằm phù hợp với quy định về chức danh quản lý, điều hành tại công ty đại chúng quy mô lớn;</p> <p>Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.</p> <p>Bầu Tổng Giám đốc Công ty.</p>
9	63/NQ-HĐQT	21/10/2021	<p>Phê chuẩn việc Ban hành Quyết định phân công thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2017-2021.</p>
10	64/NQ-HĐQT	25/10/2021	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <p>Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty;</p> <p>Bổ nhiệm Người được ủy quyền công bố thông tin.</p>
11	65/NQ-HĐQT	05/11/2021	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <p>Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2020;</p> <p>Kế hoạch lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.</p>
12	66/NQ-HĐQT	15/11/2021	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <p>Chủ trương xây dựng “Phương án nâng cao năng lực, hiệu quả công việc của người lao động trong Công ty”.</p> <p>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</p>

13	67/NQ-HĐQT	30/11/2021	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <p>Đề xuất nhân sự làm ứng viên được đề cử để Cổ đông bầu bổ sung vào Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2017-2021, với chức danh thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách;</p> <p>Kế hoạch chi tiết lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.</p>
14	68/NQ-HĐQT	09/12/2021	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <p>Danh mục đầu tư công trình xây dựng theo đề nghị của địa phương trên cơ sở nội dung kiến nghị của Tổng Giám đốc;</p> <p>Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án xây dựng Công trình Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước Mỹ Hiệp;</p> <p>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</p>
15	69/NQ-HĐQT	27/12/2021	<p>Phê chuẩn các nội dung sau:</p> <p>Danh mục nhân sự bổ nhiệm lại các chức danh quản lý đã đến hạn theo kiến nghị của Tổng Giám đốc.</p> <p>Chủ trương điều động nhân sự;</p> <p>Chủ trương chuyển giao lại Trạm Cấp nước nông thôn theo yêu cầu của chính quyền địa phương và Thanh lý tài sản trên cơ sở kiến nghị của Tổng Giám đốc;</p> <p>Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.</p>



THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

Tính tại ngày 31/12/2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát	38.800	0,1497%
2	Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	700	0,0027%
3	Đình Thị Thanh Thúy	Thành viên Ban kiểm soát	1.000	0,0039%

LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT



Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1968

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Số 94, đường Bà Triệu, phường 3, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Thương nghiệp

Quá trình công tác:

- 12/1991 – 10/1996: Nhân viên kế toán Công ty Vận tải biển Đồng Tháp.
- 10/1996 – 03/2003: Nhân viên kế toán Công ty Cấp nước Đồng Tháp.
- 03/2003 – 09/2006: Phó phòng Tài vụ Công ty Cấp nước Đồng Tháp.
- 09/2006 - 03/2017: Kiểm soát viên phụ trách Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.
- 03/2017 đến nay: Trưởng Ban Kiểm Soát, Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 38.800 Cổ phiếu, tương đương 0,1497% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



Ông Nguyễn Thanh Hồng

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát kiêm Nhân viên Phòng kế hoạch Kinh doanh

Năm sinh: 1982

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Số 156, Võ Văn Trí, phường Hòa Thuận, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

- 2011 - 03/2018: Nhân viên phòng Kế toán Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.
- 04/2018 - 06/2018: Nhân viên Phòng kế hoạch Kinh doanh Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.
- 06/2018 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát kiêm Nhân viên Phòng kế hoạch Kinh doanh, Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 700 Cổ phiếu, tương đương 0,0027% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có





Bà Đinh Thị Thanh Thúy

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Tổ phó Tổ kỹ thuật, Phòng kỹ thuật kiêm thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1984

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 131A, đường Trần Tế Xương, ấp Hòa Khánh, xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Trình độ chuyên môn: Đại học Xây dựng

Quá trình công tác:

- 04/2006 – 05/2014: Nhân viên Phòng kỹ thuật, Chi nhánh Xây lắp và Vật tư trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.
- 06/2014 – 03/2019: Phó phòng Phòng kỹ thuật Chi nhánh Xây lắp và Vật tư trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.
- 04/2019 – 07/2019: Nhân viên Phòng kỹ thuật, Chi nhánh Xây lắp và Vật tư trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.
- 07/2019 đến nay: Tổ phó Tổ kỹ thuật, Phòng kỹ thuật Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 1.000 cổ phiếu, tương đương 0,0039% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Những thay đổi trong Ban kiểm soát trong năm 2021:

Miễn nhiệm chức vụ Thành viên Ban kiểm soát đối với bà Phạm Thị Kim Dung từ ngày 30/11/2021.

Bổ nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát đối với bà Đinh Thị Thanh Thúy từ ngày 15/12/2021.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát trong năm

Trong năm 2021, trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, Ban kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của Công ty như sau:

- ✓ Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trong việc quản lý điều hành; kiểm soát trình tự và thủ tục ban hành các văn bản của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty;
- ✓ Giám sát hoạt động giao dịch cổ phiếu của DOWASEN trên UPCOM; quản lý hoạt động công bố thông tin phù hợp quy định, đảm bảo tính công khai và minh bạch để phục vụ quyền lợi cổ đông;
- ✓ Giám sát việc thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về công tác sắp xếp, thoái vốn nhà nước tại Công ty theo quy định mới của Chính phủ;
- ✓ Tham gia đầy đủ các buổi họp của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty và các phòng, ban chuyên môn để kiểm tra, giám sát công tác triển khai và thực hiện các nghị quyết đã ban hành;
- ✓ Giám sát và góp ý cho Hội đồng quản trị trong việc thực hiện công tác sắp xếp, tổ chức bộ máy hoạt động;
- ✓ Xem xét, đánh giá các hoạt động trọng yếu của Công ty nhằm phát hiện sớm những rủi ro tiềm ẩn hoặc thiếu sót trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó góp ý để cải thiện những hạn chế trên;
- ✓ Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý và trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tính nhất quán của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- ✓ Thẩm định các báo cáo của Công ty gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở ngành định kỳ, đột xuất và trình báo thẩm định lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- ✓ Tham gia thảo luận những vấn đề khó khăn mà Công ty gặp phải từ kết quả kiểm toán, cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc; xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban quản lý Công ty;
- ✓ Giám sát, kiểm tra công tác thực hiện chế độ lương, thưởng trong Công ty; công tác phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty theo quy định của pháp luật, đảm bảo hiệu quả của các dự án đầu tư và hiệu quả trong việc sử dụng các nguồn vốn đầu tư của Công ty.

Ngoài ra, Ban kiểm soát còn có sự phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty:

Ban kiểm soát chủ động trao đổi, thống nhất với Hội đồng quản trị về các nội dung, kế hoạch kiểm tra và giám sát; phối hợp với Ban Tổng Giám đốc trong quá trình triển khai công tác kiểm tra, giám sát;

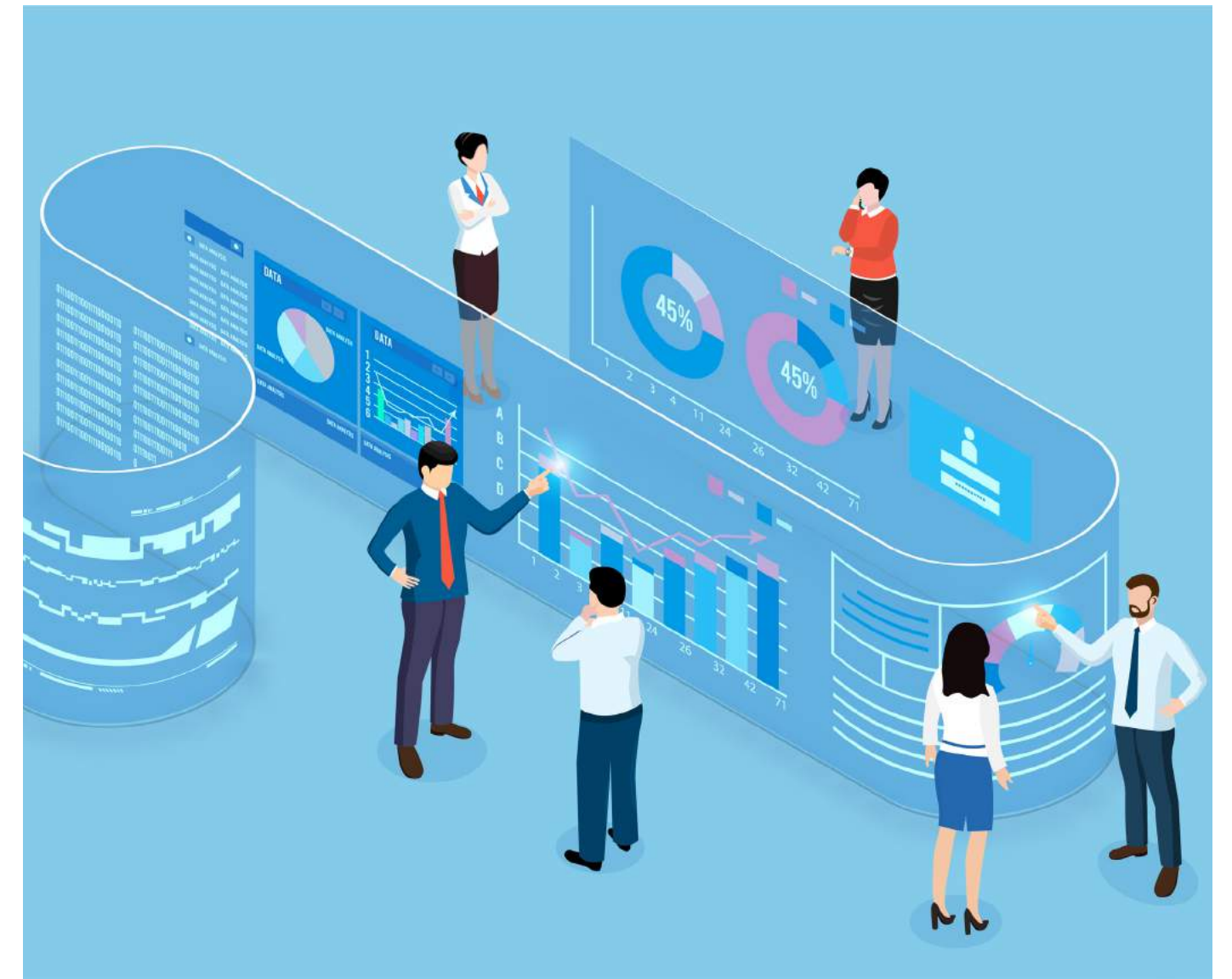
Hội đồng quản trị đã cung cấp đầy đủ các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát;

Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty đã có mối quan hệ hợp tác chặt chẽ trong công tác điều hành và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của DOWASEN.

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát trong năm

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng BKS	8/8	100%	
2	Phạm Thị Kim Dung	Thành viên BKS	7/7	100%	Miễn nhiệm ngày 30/11/2021
3	Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên BKS	8/8	100%	
4	Đình Thi Thanh Thúy	Thành viên BKS	1/1	100%	Bổ nhiệm ngày 15/12/2021





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng lương	Tổng thù lao	Thưởng	Các khoản lợi ích khác
Hội đồng quản trị						
1	Phan Đình Hùng	Chủ tịch HĐQT	432	-	99	4
2	Nguyễn Văn Để	Chủ tịch HĐQT	580	-	108	7
3	Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT	519	-	98	7
4	Nguyễn Thượng Vũ	Thành viên HĐQT	519	-	99	8
5	Trần Văn Tấn	Thành viên HĐQT	94	-	43	0,9
Ban kiểm soát						
1	Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng BKS	467	-	85	6
2	Phạm Thị Kim Dung	Thành viên BKS	426	-	78	5
3	Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên BKS	172	54	11	3
4	Đinh Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS	4	2	4	0,6
Ban điều hành						
1	Nguyễn Văn Để	TGD	580	-	108	7
2	Nguyễn Thượng Vũ	Phó TGD	520	-	99	8
3	Nguyễn Anh Dũng	Phó TGD	520	-	99	7
4	Hoàng Quốc Hưng	Kế toán trưởng	485	-	85	7

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Quản trị Công ty là một trong những yếu tố cốt lõi để DOWASEN phát triển hiệu quả. Vì vậy, trong suốt quá trình hoạt động Công ty đã luôn nghiêm túc tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị Công ty cũng như các Quy chế nội bộ nhằm đảm bảo quá trình hoạt động và phát triển của Công ty. Ngoài ra, DOWASEN còn ban hành hệ thống quy chế quản lý để quản trị Công ty một cách thống nhất, chuyên nghiệp đảm bảo cơ cấu quản trị hiệu quả hướng tới lợi ích chung cho các bên liên quan.

Bên cạnh đó, Công ty cũng chú ý đến việc nâng cao năng lực quản trị của đội ngũ lãnh đạo, đặt mục tiêu chính là hoàn thiện hệ thống quản trị hướng tới thông lệ quản trị tốt nhất trên thị trường. Vì vậy, DOWASEN tập trung đào tạo cán bộ công nhân viên theo thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, từ đó tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kế toán trưởng của Công ty trong năm 2021 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Hoàng Quốc Hưng.

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021 là Ông Nguyễn Văn Đê.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/10/2021 và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Trần Văn Tấn.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)


PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin cụ thể như sau:

- Trong năm 2022, Công ty áp dụng quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Trần Văn Tấn
Tổng Giám đốc

Tp. Cao Lãnh, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Số: 018/2022/UHYHCM-BCKTDL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 03 năm 2022, từ trang 7 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính của Ban Tổng Giám đốc.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như được nêu tại mục 35.3 của Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp: Tại ngày 31/12/2021, khoản nợ ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán (sau khi trừ các khoản phải trả bằng dự án và tài sản dài hạn khác) đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị là 10.786.986.885 đồng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty có thể tạo đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Theo đó, Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 vẫn được lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.



Lê Đức Hạnh
Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 3340-2020-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY – CHI NHÁNH TẠI TP.HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Thị Tuyết Hoa
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 3558-2021-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2021 VND	Tại 01/01/2021 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		116.675.136.960	103.018.881.329
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	33.102.308.185	31.733.082.610
Tiền	111		33.102.308.185	31.733.082.610
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.500.000.000	3.700.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6a	7.500.000.000	3.700.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46.124.091.947	34.062.510.815
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	32.771.240.461	22.249.360.718
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	2.346.558.400	464.655.600
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	13.564.828.711	12.841.864.757
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7,8	(2.558.535.625)	(1.493.370.260)
Hàng tồn kho	140	10	29.824.938.984	33.430.788.012
Hàng tồn kho	141		29.824.938.984	33.430.788.012
Tài sản ngắn hạn khác	150		123.797.844	92.499.892
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	123.797.844	92.499.892
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		931.308.513.586	927.979.427.569
Tài sản cố định	220		443.911.614.691	404.912.760.070
Tài sản cố định hữu hình	221	11	443.307.382.584	404.308.527.963
- Nguyên giá	222		806.908.096.640	719.141.399.319
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(363.600.714.056)	(314.832.871.356)
Tài sản cố định vô hình	227	12	604.232.107	604.232.107
- Nguyên giá	228		1.550.263.743	1.280.263.743
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(946.031.636)	(676.031.636)
Tài sản dở dang dài hạn	240		471.061.455.228	507.079.921.465
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	471.061.455.228	507.079.921.465
Đầu tư tài chính dài hạn	250		84.040.000	84.040.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6b	84.040.000	84.040.000
Tài sản dài hạn khác	260		16.251.403.667	15.902.706.034
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	16.251.403.667	15.902.706.034
TỔNG TÀI SẢN	270		1.047.983.650.546	1.030.998.308.898

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2021 VND	Tại 01/01/2021 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		729.159.229.973	725.513.701.983
Nợ ngắn hạn	310		597.546.134.333	601.933.550.773
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	11.826.883.027	18.206.227.080
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	696.702.784	2.152.437.637
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	6.305.420.861	4.612.132.570
Phải trả người lao động	314		27.438.400.818	25.927.709.916
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	7.761.380.354	8.905.833.238
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	478.353.077.268	487.295.562.197
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	65.134.029.221	54.750.282.368
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		30.240.000	83.365.767
Nợ dài hạn	330		131.613.095.640	123.580.151.210
Phải trả dài hạn khác	337	19	27.281.851.941	23.715.760.799
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	94.341.169.587	95.646.486.700
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		9.990.074.112	4.217.903.711
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		318.824.420.573	305.484.606.915
Vốn chủ sở hữu	410	21	318.824.420.573	305.484.606.915
Vốn góp của chủ sở hữu	411		259.181.300.000	259.181.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		259.181.300.000	259.181.300.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		27.605.902.085	19.592.728.586
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.037.218.488	26.710.578.329
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		30.240.000	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		32.006.978.488	26.710.578.329
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.047.983.650.546	1.030.998.308.898

Tp. Cao Lãnh, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Lý Thu Cúc

Hoàng Quốc Hưng

Trần Văn Tân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	382.076.509.470	358.924.622.499
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		382.076.509.470	358.924.622.499
Giá vốn hàng bán	11	23	277.022.950.352	255.507.863.224
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		105.053.559.118	103.416.759.275
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	368.176.388	490.570.639
Chi phí tài chính	22	25	5.428.990.967	5.051.514.186
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.428.990.967</i>	<i>5.051.514.186</i>
Chi phí bán hàng	25	26	31.119.351.968	29.646.951.606
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	38.027.114.182	38.390.204.237
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.846.278.389	30.818.659.885
Thu nhập khác	31	27	6.717.320.889	1.100.641.803
Chi phí khác	32	28	479.129.266	1.502.777.267
Lợi nhuận khác	40		6.238.191.623	(402.135.464)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37.084.470.012	30.416.524.421
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	5.077.491.524	3.705.946.092
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		32.006.978.488	26.710.578.329
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.043	859
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	1.043	859

Tp. Cao Lãnh, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Lý Thu Cúc


Hoàng Quốc Hưng


Trần Văn Tấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		37.084.470.012	30.416.524.421
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		54.090.208.762	49.367.957.196
Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	03		1.394.180.760	352.007.122
	05		39.108.466	446.654.428
Chi phí lãi vay	06		5.428.990.967	5.051.514.186
Các khoản điều chỉnh khác	07		4.339.266.716	3.080.591.285
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		102.376.225.683	88.715.248.638
Tăng/giảm các khoản phải thu	09		(13.429.118.748)	3.181.722.997
Tăng/giảm hàng tồn kho	10		(17.125.396.209)	(3.716.133.784)
Tăng/giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(15.265.148.465)	15.523.764.518
Tăng/giảm chi phí trả trước	12		(348.697.633)	(3.286.361.099)
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.419.949.773)	(5.064.586.181)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.242.823.446)	(4.929.014.002)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.816.398.413)	(4.409.527.122)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		44.728.692.996	86.015.113.965
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(34.970.446.968)	(68.096.434.097)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		297.286.015	-
Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.800.000.000)	(3.700.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		290.235.292	382.718.584
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(38.182.925.661)	(71.413.715.513)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		97.315.692.659	70.719.072.611
Tiền trả nợ gốc vay	34		(88.237.262.919)	(69.777.078.798)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.254.971.500)	(13.166.410.040)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.176.541.760)	(12.224.416.227)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.369.225.575	2.376.982.225
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	31.733.082.610	29.356.100.385
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	33.102.308.185	31.733.082.610

Tp. Cao Lãnh, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lý Thu Cúc

Hoàng Quốc Hưng

Trần Văn Tấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần từ ngày 26/04/2017 theo Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 1400101205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 01/10/2021.

Vốn điều lệ của Công ty là 259.181.300.000 đồng chia thành 25.918.130 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở của Công ty đặt tại số 01, Đường Tôn Đức Thắng, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

Công ty trở thành công ty đại chúng từ ngày 26/04/2017 và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận tại văn bản số 7523/UBCK-GSDC ngày 03/11/2017. Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 24/01/2019, với mã chứng khoán "DWS".

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, cung cấp nước sạch, thu gom rác thải và các dịch vụ môi trường, tư vấn khác trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật tư xây dựng, vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Chi tiết: Dịch vụ địa táng, hỏa táng và các dịch vụ kèm theo có liên quan;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Vệ sinh chung nhà cửa. Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh cơ quan, hộ gia đình;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Chăm sóc hoa kiểng cơ quan, hộ gia đình;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường; lập báo cáo giám sát, quan trắc nước và môi trường; lập phương án phân vùng, tách mạng, phòng và chống thất thu, thất thoát nước, quản lý tài sản;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống đóng chai, đóng bình; Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Mua bán nước uống đóng chai, đóng bình;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: Thu gom và vận chuyển rác thải độc hại;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP)

- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Xây dựng công trình đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình cầu, đường;
- Xây dựng công trình cấp thoát nước. Chi tiết: Xây dựng, khai thác, duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng đô thị, nông thôn (thoát nước);
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom và vận chuyển rác thải không độc hại;
- Xây dựng công trình thủy. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng nhà để ở. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công ích khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng, khai thác, duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng đô thị, nông thôn (cầu, đường, vỉa hè, công viên, cây xanh, điện chiếu sáng công cộng);
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống cống, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cống, thoát nước;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt. Chi tiết: Dịch vụ rút hầm cầu;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm. Chi tiết: Vườn ươm cây;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận chuyển, di dời đồ đạc cơ quan, gia đình, công trình xây dựng, vận chuyển phế liệu xây dựng;
- Xây dựng nhà không để ở. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty có chu kỳ quay vòng thường xuyên và liên tục trong tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch và cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý rác thải. Yếu tố chính sách về đơn giá tiền nước, đơn giá thu gom rác thải, thuế tài nguyên, chính sách khuyến khích ưu đãi của địa phương và của Nhà nước thay đổi theo từng thời kỳ có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.6 CẤU TRÚC CÔNG TY

Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC CÔNG TY (TIẾP)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Cấp nước Nam Sông Tiền	Số 207b, Trần Hưng Đạo, Phường 1, Tp. Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Cấp nước Đồng Bắc Sông Tiền	Số 01, Nguyễn Huệ, Phường 1, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Cấp nước Tây Bắc Sông Tiền	Quốc lộ 30, Phường An Lộc, Tp. Hồng Ngự, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Dịch vụ Môi trường	Số 15/4, Quốc lộ 30, P. Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Nước Đóng chai Dowasen	Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại như được nêu tại thuyết minh số 31, 32 và 35.4 của Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỶ KẾ TOÁN NĂM

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác: bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc, thiết bị	03 – 20
Phương tiện, vận tải truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

4.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các công cụ dụng cụ và các chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh khác có thời hạn phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

4.10 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.10 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)

- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

4.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.12 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.13 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Công ty được hưởng một số ưu đãi thuế suất và miễn giảm thuế theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 của Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với thu nhập từ hoạt động cung cấp nước sinh hoạt và thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động theo Công văn 2506/CT-TTHT ngày 26/10/2017 của Cục thuế tỉnh Đồng Tháp.
- Đối với khoản thu nhập thuộc lĩnh vực kinh doanh thông thường, lĩnh vực hoạt động tài chính, thu nhập khác được áp dụng với mức thuế suất thông thường.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: hoạt động cung cấp nước sạch, sản xuất nước đóng chai, hoạt động xây lắp, bán vật tư, dịch vụ thu gom vận chuyển rác và các dịch vụ khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách hàng. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

4.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	32.771.240.461	(2.464.070.625)	22.249.360.718	(1.493.370.260)
- Phải thu của khách hàng Nước sinh hoạt	12.289.934.916	(675.296.591)	5.795.874.842	(416.210.056)
- Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đồng Tháp	378.389.000	-	874.588.000	-
- Ban Quản lý Chợ Thành phố Cao Lãnh	2.920.292.000	-	2.895.724.000	-
- Ban Quản lý Công trình Công cộng Thành phố Cao Lãnh	2.081.074.000	-	3.630.471.000	-
- Ban Quản lý Công trình Đô thị Thành phố Sa Đéc	2.017.833.000	-	1.807.829.000	-
- Phải thu của khách hàng ngắn hạn khác	13.083.717.545	(1.788.774.035)	7.244.873.876	(1.077.160.204)
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Phải thu của khách hàng là bên liên quan	-	-	-	-

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.346.558.400	(94.465.000)	464.655.600	-
- Công ty TNHH Phát triển Công nghệ & Dịch vụ HSVN Toàn Cầu	321.200.000	-	-	-
- Lê Văn Tranh	385.920.000	-	-	-
- Nguyễn Thị Hoa - Phan Thị Ngọc Vàng	258.262.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	1.381.176.400	(94.465.000)	464.655.600	-
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	-
Trả trước cho người bán là bên liên quan	-	-	-	-
Cộng	2.346.558.400	(94.465.000)	464.655.600	-

23

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

9. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	13.564.828.711	-	12.841.864.757	-
- Tạm ứng	4.735.343.619	-	7.050.833.559	-
- Phải thu thuế TNCN	1.489.049.347	-	1.413.924.860	-
- Phải thu lãi dự thu	198.368.493	-	120.427.397	-
- Phải thu Bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	-	-	5.132.069	-
- Chăm sóc, thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	968.930.820	-	465.632.000	-
- Chi phí nhà máy nước thải (*)	2.189.929.312	-	260.692.900	-
- Phải thu do thu hồi đất dự án thoát nước Tp. Cao Lãnh	3.042.207.120	-	3.042.207.120	-
- Phải thu từ trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (**)	782.690.000	-	-	-
- Phải thu khác	158.310.000	-	483.014.852	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	13.564.828.711	-	12.841.864.757	-

(*) Các khoản Công ty chi hộ chi phí nhân công, tiền điện, tiền mạng, tiền điện thoại,... cho Chi nhánh Môi trường.

(**) Công ty chưa trích toàn bộ Quỹ Khen thưởng phúc lợi trong năm 2021 do chưa đủ cơ sở.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

10. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	25.976.586.667	-	28.619.849.514	-
Công cụ dụng cụ	713.769.456	-	744.710.331	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.953.665.104	-	3.804.567.626	-
Thành phẩm	169.798.754	-	194.495.539	-
Hàng hoá	11.119.003	-	67.165.002	-
Cộng	29.824.938.984	-	33.430.788.012	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị vận tải, truyền dẫn		Phương tiện dùng cụ quản lý		Thiết bị		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND

NGUYỄN GIÁ

Tại 01/01/2021		Tại 31/12/2021	
- Đầu tư XDCB hoàn thành	60.909.498.109	3.600.790.292	26.267.031.043
- Mua trong năm	-	-	964.574.250
- Đầu tư, mua sắm hình thành từ quỹ Khoa học Công nghệ (*)	838.866.364	3.042.153.800	-
- Phân loại lại	32.708.182	(1.646.989.092)	1.614.280.910
- Thanh lý TSCĐ	(1.548.330.398)	(509.394.194)	(5.618.957.400)
Tại 31/12/2021	426.073.284.553	66.154.492.535	313.062.467.102

HAO MÓN LŨY KẾ

Tại 01/01/2021		Tại 31/12/2021	
- Khấu hao trong năm	(28.706.812.748)	(5.903.249.406)	(19.237.065.011)
- Tăng hao mòn TSCĐ hình thành từ quỹ Khoa học Công nghệ (*)	(232.492.263)	(1.575.052.091)	-
- Phân loại lại	(21.981)	404.408	(382.427)
- Thanh lý TSCĐ	962.224.093	398.554.259	5.618.957.400
Tại 31/12/2021	(171.163.077.744)	(37.612.746.116)	(153.769.410.177)

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại 01/01/2021		Tại 31/12/2021	
	222.654.567.451	31.134.528.443	149.684.618.160
	254.910.206.809	28.541.746.419	159.293.056.925
Tổng cộng	477.564.774.260	59.676.274.862	308.977.675.085

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 81.338.705.118 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 85.235.110.667 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2021 là 125.754.613.946 đồng.

(*) Danh mục tài sản cố định hữu hình đầu tư, mua sắm hình thành từ Quỹ Khoa học Công nghệ:

TT	Tài sản cố định	Ngày đưa vào sử dụng	Thời gian sử dụng (năm)	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế đến 31/12/2020	Hao mòn trong năm 2021	Hao mòn lũy kế đến 31/12/2021	Giá trị còn lại 31/12/2021
Máy móc thiết bị								
1	Tủ điều khiển Trạm TDC Lai Vung	09/10/2016	5	131.254.200	110.930.969	20.323.231	131.254.200	-
2	Tủ điều khiển Trạm Bình Thạnh 2	09/10/2016	5	59.132.700	49.976.669	9.156.031	59.132.700	-
3	Tủ điều khiển Trạm Bình Thạnh	09/10/2016	5	71.101.800	60.092.489	11.009.311	71.101.800	-
4	Tủ điều khiển Trạm TT.Lai Vung	09/10/2016	5	71.513.200	60.440.188	11.073.012	71.513.200	-
5	Tủ điều khiển VP Chi Nhánh 5	09/10/2016	5	41.996.900	35.494.154	6.502.746	41.996.900	-
6	Bơm chìm nước thải Ebara	02/12/2018	7	109.500.000	32.505.184	15.642.857	48.148.041	61.351.959
7	Bơm ly tâm trục ngang Saer	02/12/2018	7	189.000.000	56.104.839	27.000.000	83.104.839	105.895.161
8	Bơm chìm hiệu Varuna	02/12/2018	7	62.700.000	18.612.558	8.957.143	27.569.701	35.130.299
9	Bơm chìm nước thải Ebara	02/12/2018	7	109.500.000	32.505.184	15.642.857	48.148.041	61.351.959
10	Bơm nước thải hiệu Ebara 150DMLS	02/12/2018	7	90.640.000	26.906.575	12.948.571	39.855.146	50.784.854
11	Bơm nước thải Ebara 100DML515	02/12/2018	7	115.400.000	34.256.605	16.485.714	50.742.319	64.657.681
12	Bơm nước thải Ebara 100DML511	28/12/2018	7	109.500.000	31.411.866	15.642.857	47.054.723	62.445.277
13	Bơm chìm nước thải Ebara	02/12/2018	7	109.500.000	32.505.184	15.642.857	48.148.041	61.351.959
14	Đồng hồ lưu lượng @500BB	06/01/2019	7	118.430.000	33.564.263	16.918.571	50.482.834	67.947.166
15	Đồng hồ lưu lượng @200 (4 cái)	07/01/2019	7	171.600.000	48.567.281	24.514.286	73.081.567	98.518.433
16	Đồng hồ lưu lượng @200	08/01/2019	7	37.050.000	10.471.889	5.292.857	15.764.746	21.285.254
17	Bơm ly tâm	06/01/2019	7	74.034.000	20.981.986	10.576.286	31.558.272	42.475.728
18	Bơm ly tâm	07/01/2019	7	74.034.000	20.953.555	10.576.286	31.529.841	42.504.159
19	Bơm ly tâm trục ngang	06/01/2019	7	203.450.000	57.659.793	29.064.286	86.724.079	116.725.921

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

TT	Tài sản cố định	Ngày đưa vào sử dụng	Thời gian sử dụng (năm)	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế đến 31/12/2020	Hao mòn trong năm 2021	Hao mòn lũy kế đến 31/12/2021	Giá trị còn lại 31/12/2021
Máy móc thiết bị (tiếp)								
20	Bơm ly tâm trục ngang	07/01/2019	7	203.450.000	57.581.663	29.064.286	86.645.949	116.804.051
21	Máy bơm nước thải	07/01/2019	7	54.500.000	15.424.923	7.785.714	23.210.637	31.289.363
22	Máy bơm LTTN	08/01/2019	7	109.250.000	30.878.648	15.607.143	46.485.791	62.764.209
23	Máy bơm LTTN	09/01/2019	7	54.625.000	15.418.347	7.803.571	23.221.918	31.403.082
24	Máy bơm nước thải	10/01/2019	7	88.600.000	24.974.040	12.657.143	37.631.183	50.968.817
25	Máy bơm nước thải	10/01/2019	7	88.600.000	24.974.040	12.657.143	37.631.183	50.968.817
26	Máy bơm LTTN	10/01/2019	7	38.800.000	10.936.713	5.542.857	16.479.570	22.320.430
27	Tủ điều khiển biến tăng	28/12/2018	5	80.980.000	32.522.613	16.196.000	48.718.613	32.261.387
28	Tủ điều khiển biến tần 55KW	23/03/2019	5	180.500.000	63.951.344	36.100.000	100.051.344	80.448.656
29	Tủ điện điều khiển biến tần Danfoss	23/03/2019	5	151.712.000	53.751.725	30.342.400	84.094.125	67.617.875
30	Máy tạo Ozone	30/12/2020	3	41.800.000	37.455	13.933.333	13.970.788	27.829.212
Nhà cửa vật kiến trúc								
31	Bể chứa 400m3	23/03/2019	10	838.866.364	148.605.627	83.886.636	232.492.263	606.374.101

Giá trị hao mòn các tài sản cố định hữu hình phát sinh tăng do đầu tư, mua sắm được hình thành từ Quỹ Khoa học Công nghệ không ghi nhận vào chi phí của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất		Phần mềm		TSCĐ		Cộng
	VND	VND	máy vi tính	vô hình khác	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ							
Tại 01/01/2021	604.232.107	312.088.000	363.943.636				1.280.263.743
- Đầu tư, mua sắm hình thành từ Quỹ Khoa học Công nghệ (*)	-	270.000.000	-	-	-	-	270.000.000
Tại 31/12/2021	604.232.107	582.088.000	363.943.636				1.550.263.743
GIÁ TRỊ HAO MÒN							
Tại 01/01/2021	-	(312.088.000)	(363.943.636)				(676.031.636)
- Tăng hao mòn TSCĐ hình thành từ quỹ Khoa học Công nghệ (*)	-	(270.000.000)	-	-	-	-	(270.000.000)
Tại 31/12/2021	-	(582.088.000)	(363.943.636)				(946.031.636)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại 01/01/2021	604.232.107	-	-	-	-	-	604.232.107
Tại 31/12/2021	604.232.107	-	-	-	-	-	604.232.107

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 676.031.636 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 676.031.636 đồng).

Quyền sử dụng đất là thừa đất số 60, diện tích 193 m² tại Xã Tân Phú Trung, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp. Thời hạn sử dụng đất lâu dài nên Công ty không trích khấu hao tài sản này.

(*) Tài sản cố định vô hình đầu tư, mua sắm hình thành từ Quỹ Khoa học Công nghệ trong năm 2021:

TT	Tài sản cố định	Ngày đưa vào sử dụng	Thời gian sử dụng (năm)	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế đến 31/12/2020	Hao mòn trong năm 2021	Hao mòn lũy kế đến 31/12/2021	Giá trị còn lại 31/12/2021
1	Phần mềm kế toán	31/12/2018	3	270.000.000	180.000.000	90.000.000	270.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	VND	VND
- Dự án Thoát nước và Xử lý nước thải Thành phố Cao Lãnh (*)	446.392.478.344	446.119.599.344
- Hệ thống cấp nước xã Thường Thới Tiền - Công suất 3000m ³ /ngày đêm (*)	13.435.000	23.910.943.855
- Đường nội bộ vào nhà máy xử lý rác thải công nghiệp và nguy hại, hạng mục: Nền, mặt đường, điện, chiếu sáng, ĐĐ: xã Mỹ Thọ, HCL.ĐT (*)	1.862.406.000	1.862.406.000
- Cài tạo trạm cấp nước Tân Long-Tân Tịch, P6, TPCL,DT-CS:2.500m ³ /ngđ	783.767.773	776.918.773
- Trạm cấp nước Doanh nghiệp tư nhân Tiến Dũng-xã Tân Nhuận Đông-H.Châu Thành	-	2.630.148.000
- Trạm cấp nước KCN Trần Quốc Toản-HM: Bể chứa nước sạch, cầu lấy nước, mạng lưới đường ống	-	4.424.559.052
- NMN mặt xã Tân Nghĩa -Huyện Cao Lãnh	589.663.526	588.133.526
- Xây dựng Nhà máy nước An Hiệp-H.Châu Thành	5.291.284.482	141.011.818
- Nhà máy nước Tân Dương-H.Lai Vung	180.652.273	1.675.741.152
- Cài tạo nâng công suất Trạm cấp nước KCN Trần Quốc Toản (2)-P11-TPCL	1.962.097.646	472.661.118
- Trạm Cấp nước Bình Phú-H.Tân Hồng.CS:2.500m ³ /ngđ	45.672.727	6.196.667.491
- Trạm cấp nước Thanh Bình-HM: Bể chứa nước sạch. H.Thanh Bình	-	2.851.121.435
- NMN Huyện Tháp Mười (Trạm CN ngầm TT.Mỹ An Tháp Mười)	-	2.479.983.462
- Nhà máy nước xã Phú Hựu-Huyện Châu Thành	-	2.354.723.808
- Cài tạo nâng công suất Nhà máy nước Tân Phú Trung-H.Châu Thành	657.914.684	3.107.242.472
- Trạm Cấp nước Lộ Tiểu-H.Châu Thành. HM: Bể lắng lọc (Phong-CNMT)	-	2.029.792.058
- Dự án: hệ thống thoát nước TPCL.HM: Đẩu nổi hộ gia đình (NS)	1.323.849.000	843.660.000
- Tuyên ống cấp nước D220 từ NMN Nha Mán 2-Chợ Phú Long-H.Châu Thành	1.881.322.593	-
- Cài tạo tuyến ống @168 từ cầu Trại Quán đến UBND xã Tân Phú Trung-xã Tân Phú Trung-H.Châu Thành	1.520.803.992	-
- Xây dựng Nhà máy nước Vĩnh Thạnh-xã Vĩnh Thạnh-H.Lấp Vò	3.906.827.048	-
- Cài tạo công nghệ xử lý NMN Huyện Thanh Bình.HM: Bể lọc, sàn thao tác, cầu thang.	1.776.158.146	-
- Các công trình khác	2.873.121.994	4.614.608.101
Cộng	471.061.455.228	507.079.921.465

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (TIẾP)

(*) Các công trình trên được xây dựng trên hai nguồn vốn bao gồm nguồn vốn Ngân sách Nhà nước và nguồn vốn ODA do Ngân hàng Tái Thiết Đức (KfW) tài trợ. Sau khi các công trình hoàn thành, Công ty sẽ thực hiện bàn giao lại tài sản cho đơn vị tiếp quản và sử dụng theo chỉ đạo của UBND Tỉnh Đồng Tháp.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	16.251.403.667	15.902.706.034
- Chi phí lắp đặt thủy lượng kế	5.099.016.694	6.778.235.755
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.343.195.830	2.128.434.989
- Chi phí đầu tư hệ thống cấp nước	538.836.024	950.154.684
- Chi phí thuế quyền sử dụng đất	7.559.454.234	4.855.397.818
- Chi phí trả trước dài hạn khác	710.900.885	1.190.482.788
Cộng	16.251.403.667	15.902.706.034

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	11.826.883.027	11.826.883.027	18.206.227.080	18.206.227.080
- Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Minh Nghi	161.201.700	161.201.700	1.736.825.244	1.736.825.244
- Công ty Cổ phần HAWACO Miền Nam	521.846.600	521.846.600	913.000.000	913.000.000
- Công ty TNHH Quang Nhật	250.850.350	250.850.350	1.402.625.700	1.402.625.700
- Công ty CP Thương Mại Đầu Tư Văn Long CDC	1.429.450.000	1.429.450.000	1.093.840.000	1.093.840.000
- Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến	-	-	1.679.365.160	1.679.365.160
- Công ty TNHH TM DV KTCN Đại Phước Khánh	519.860.000	519.860.000	882.145.000	882.145.000
- Công ty Xăng Dầu Đồng Tháp (TNHH MTV)	615.848.500	615.848.500	370.149.170	370.149.170
- Công ty TNHH TM Từ Bảo Nghi	259.974.000	259.974.000	519.227.500	519.227.500
- Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Lê	-	-	851.280.000	851.280.000
- Phải trả nhà cung cấp ngắn hạn khác	8.067.851.877	8.067.851.877	7.844.769.306	7.844.769.306
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	VND	VND
Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn	696.702.784	2.152.437.637
- Hệ Thống Thoát Nước Thành Phố Cao Lãnh	656.423.000	656.423.000
- Trường Tiểu học Phường 4, Thành phố Cao Lãnh	-	186.000.000
- Công ty CP Tập Đoàn FLC	-	1.139.431.014
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	40.279.784	170.583.623
Các khoản người mua trả tiền trước dài hạn	-	-
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.612.132.570	42.307.744.631	40.614.456.340	6.305.420.861
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.345.190.634	12.961.552.705	12.415.056.043	1.891.687.296
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.984.991.632	3.242.823.446	1.742.168.186
- Thuế thu nhập cá nhân	642.875.378	2.074.393.149	2.302.739.690	414.528.837
- Thuế tài nguyên	393.913.766	4.429.646.121	4.466.774.683	356.785.204
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	944.783.711	1.987.789.096	2.270.204.096	662.368.711
- Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác (*)	1.285.369.081	15.869.371.928	15.916.858.382	1.237.882.627
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	92.499.892	397.430.525	428.728.477	123.797.844
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	92.499.892	92.499.892	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	304.930.633	428.728.477	123.797.844

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC (TIẾP)

(*) Công ty thực hiện thu hộ và chi hộ phí nước thải sinh hoạt của các đơn vị khác trong tỉnh Đồng Tháp.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	7.761.380.354	8.905.833.238
- Chi phí xử lý rác thải sinh hoạt	7.679.121.326	8.832.615.404
- Chi phí lãi vay phải trả	82.259.028	73.217.834
Dài hạn	-	-
Cộng	7.761.380.354	8.905.833.238

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2021 VND	Tại 01/01/2021 VND
Ngắn hạn	478.353.077.268	487.295.562.197
- Kinh phí công đoàn	27.679.704	14.243.094
- Bảo hiểm xã hội	35.502.575	-
- Bảo hiểm y tế	84.103.651	83.762.550
- Bảo hiểm thất nghiệp	11.625.823	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.312.654.800	2.116.082.800
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	475.881.510.715	485.081.473.753
+ Dịch vụ Tư vấn Giám sát FICHTNER	-	85.086.000
+ Phí nước thải	-	5.466.398.686
+ Ban QLDA Nâng cấp Đô thị TP.Cao Lãnh (*)	13.352.000.000	13.352.000.000
+ Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp (*)	1.002.692.350	1.002.692.350
+ Ban QLDA Công ty - Chi phí quản lý dự án	2.600.098.369	2.600.098.369
+ Ban QLDA Công ty - Chi phí thẩm tra, giám sát, phê duyệt quyết toán	954.559.000	954.559.000
+ Dự án Thoát nước TP.Cao Lãnh (**)	450.026.334.114	449.753.455.114
+ Dự án Thoát nước TP.Cao Lãnh - đấu nối hộ gia đình (**)	3.314.999.000	3.314.999.000
+ Dự án Cấp thoát nước VSMT TX.Sa Đéc (**)	290.435.844	290.435.844
+ Dự án Hệ thống cấp nước TX Hồng Ngự (**)	235.143.180	235.143.180
+ Dự án Đường nội bộ vào Nhà máy xử lý rác, Đập Đá HCL (**)	1.862.406.000	1.862.406.000
+ Hệ thống cấp nước Xã Tân Khánh Trung, Huyện Lấp Vò (Sở Tài chính)	839.356.286	4.196.781.428
+ Phòng Tài chính Kế hoạch TP.Cao Lãnh	483.030.000	483.030.000
+ UBND Huyện Hồng Ngự	-	800.000.000
+ Phải trả, phải nộp khác	920.456.572	684.388.782
Dài hạn	27.281.851.941	23.715.760.799
- Dự án Cấp thoát nước VSMT TX.Sa Đéc (**)	3.775.665.968	3.775.665.968
- Dự án Hệ thống cấp nước TX Hồng Ngự (**)	3.056.861.331	3.056.861.331
- Hệ thống cấp nước Xã Tân Khánh Trung, Huyện Lấp Vò (Sở Tài chính)	3.357.425.142	-
- Dự án Hệ thống cấp nước Thường Thới Tiền	17.091.899.500	16.883.233.500
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	505.634.929.209	511.011.322.996

(*) Là khoản Công ty mượn 9 xe ép rác và 1 ô tô chở rác với tổng giá trị là 14.354.692.350 đồng.

(**) Đây là khoản phải trả liên quan đến các công trình xây dựng bằng vốn ODA và nguồn vốn đối ứng ngân sách Nhà nước. Sau khi các công trình trên hoàn thành, Công ty sẽ bàn giao cho cơ quan tiếp quản và sử dụng theo chỉ đạo của UBND Tỉnh Đồng Tháp căn cứ vào Công văn số 1445/STC-TCDN của Sở Tài chính Tỉnh Đồng Tháp ngày 29/06/2018 về việc điều chỉnh vốn điều lệ và quyết toán quá trình cổ phần hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Tại 31/12/2021		Trong năm		Tại 01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)
Vay, nợ thuế tài chính ngắn hạn	65.134.029.221	65.134.029.221	98.621.009.772	88.237.262.919	54.750.282.368	54.750.282.368
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam (1)	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
- Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Tháp (2)	13.528.669.000	13.528.669.000	12.166.467.000	18.961.511.000	20.323.713.000	20.323.713.000
- Ngân hàng Công Thương VN (3)	6.400.750.142	6.400.750.142	16.382.042.982	9.981.292.840	-	-
- Ngân hàng Ngoại Thương VN (4)	35.748.610.079	35.748.610.079	60.426.499.790	50.104.459.079	25.426.569.368	25.426.569.368
- Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển VN - CN Đồng Tháp (5)	456.000.000	456.000.000	646.000.000	190.000.000	-	-
Vay, nợ thuế tài chính dài hạn	94.341.169.587	94.341.169.587	22.746.549.887	24.051.867.000	95.646.486.700	95.646.486.700
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam (1)	48.193.964.000	48.193.964.000	-	9.000.000.000	57.193.964.000	57.193.964.000
- Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Tháp (2)	38.332.387.000	38.332.387.000	13.756.033.000	12.166.467.000	36.742.821.000	36.742.821.000
- Ngân hàng Ngoại Thương VN (4)	6.156.857.587	6.156.857.587	6.686.555.887	2.239.400.000	1.709.701.700	1.709.701.700
- Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển VN - CN Đồng Tháp (5)	1.657.961.000	1.657.961.000	2.303.961.000	646.000.000	-	-
Cộng	159.475.198.808	159.475.198.808	121.367.559.659	112.289.129.919	150.396.769.068	150.396.769.068

Lịch trả nợ gốc vay, nợ thuế tài chính dài hạn:

	Dưới 1 năm	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Các năm kế tiếp
Ngân hàng				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	30.193.964.000
Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Tháp	13.528.669.000	8.535.418.000	5.107.436.000	24.689.533.000
Ngân hàng Ngoại Thương VN	1.764.100.000	1.657.800.000	1.976.700.000	2.522.357.587
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển VN - CN Đồng Tháp	456.000.000	456.000.000	456.000.000	745.961.000
Cộng	24.748.769.000	19.649.218.000	16.540.136.000	58.151.815.587

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

* Chi tiết các khoản vay như sau:

STT	Số hợp đồng	Hạn mức (VND)	Mục đích vay	Lãi suất	Thời hạn	Tài sản đảm bảo
(1)	Hợp đồng vay vốn ODA số 01/2013/HDODA-NHPTVN	112.460.000.000	Đầu tư tài sản cố định của Dự án hệ thống cấp nước Thị xã Hồng Ngự, Tỉnh Đồng Tháp, công suất 10.000 m3/ngày đêm – hạng mục xây dựng và thiết bị	0,3%/năm	15 năm	Toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư là công trình dự án hệ thống cấp nước Thị xã Hồng Ngự, Tỉnh Đồng Tháp
(2)	Quý Đầu tư Phát triển Đồng Tháp		Thanh toán chi phí xây dựng và thiết bị			Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đài nước, khu xử lý nước, trạm bơm
(3)	Hợp đồng hạn mức số 70/2021-HDCVHM/NHCT720	40.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	5,6%/năm	6 tháng	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại ngân hàng Công Thương VN có số dư 1.500.000.000 đồng
(4)	Hợp đồng số 25/2020/VCB-ĐT-CRC	25.000.000.000	Tài trợ các nhu cầu ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động kinh doanh	6%/năm	6 tháng	Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam có số dư là 3.700.000.000 đồng
	Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 64/2020/VCB-ĐT-CRC	696.901.700	Thanh toán tiền lắp đặt bể chứa nước dung tích 700 m3	7,4%/năm	5 năm	Xe ô tô ép rác hiệu Hino
	Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 62/2020/VCB-ĐT-CRC	1.440.000.000	Thanh toán tiền mua xe ô tô ép rác hiệu Hino	7,4%/năm	5 năm	Xe ô tô ép rác hiệu Hino
(5)	Hợp đồng tín dụng số 01/2021/9996021/HĐTD	2.789.171.000	Bổ sung vốn đầu tư mua lại các trạm cấp nước nông thôn của hộ kinh doanh Nguyễn Viết Tuấn	7,3%/năm	5 năm	Toàn bộ hệ thống cấp nước: trạm đài nước giếng, mạng lưới đường ống chuyên tải, phân phối và đồng hồ khách hàng tại Trạm Cấp nước Mỹ Quý, Trạm Cấp nước Láng Biển, Trạm Cấp nước Mỹ Hòa, Trạm Cấp nước Mỹ Bắc (K Bắc).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

* Chi tiết các khoản vay theo dự án như sau:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Hợp đồng	Dự án	Tiền vay	Thời hạn vay	Lãi suất
- HĐ số 06/2014/HĐTD-ĐTPT ngày 26/12/2014	Dự án trạm Cấp nước KCN xã Mỹ Hiệp	850.000.000	8 năm	6%/năm
- HĐ số 04/2014/HĐTD-ĐTPT ngày 27/06/2014	Dự án hệ thống Cấp nước Xã Thường Thới Tiền, Huyện Hồng Ngự, công suất 1.500m3/ngđ	547.272.000	8 năm	6%/năm
- HĐ số 05/2013/HĐTD-ĐTPT ngày 23/12/2013	Dự án Xây dựng hệ thống Cấp nước Thị xã Hồng Ngự, công suất 10.000m3/ngđ	3.983.702.000	8 năm	6%/năm
- HĐ số 01/2018/HĐTD-ĐTPT ngày 25/02/2018	Dự án Xây dựng Khoan 2 giếng KDC Phú Long, Thành phố Sa Đéc và Xã Phương Trà, giai đoạn, công suất 2.400 m3/ngày đêm	537.568.000	4 năm	6%/năm
- HĐ số 07/2017/HĐTD-ĐTPT ngày 06/07/2017	Dự án Tuyến ống Cấp nước truyền tải từ Nhà máy nước mặt Đồng Bình về Thành phố Cao Lãnh	7.746.316.000	6 năm	6%/năm
- HĐ số 08/2017/HĐTD-ĐTPT ngày 17/7/2017	Dự án Công trình Nhà máy nước Đồng Bình, công suất 5.000 m3/ngày đêm	9.553.436.000	8 năm	6%/năm
- HĐ số 04/2018/HĐTD-ĐTPT ngày 29/5/2018	Dự án Công trình Nhà máy nước mặt Đồng Bình, công suất 5000m3/ngày đêm, giai đoạn 2, tại xã Hòa An, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	2.205.570.000	6 năm	6%/năm
- HĐ số 03/2018/HĐTD-ĐTPT ngày 28/5/2018	Dự án Công trình Nâng công suất Nhà máy nước mặt Huyện Cao Lãnh, giai đoạn 2, công suất 2.400 m3/ngày đêm	834.538.000	8 năm	6%/năm
- HĐ số 04/2019/HĐTD-QĐTPT ngày 30/5/2019	Mở rộng mạng lưới cấp nước chi nhánh 1, chi nhánh 5 - 2017	346.532.000	5 năm	6%/năm
- HĐ số 03/2019/HĐTD-QĐTPT ngày 30/5/2019	Mở rộng mạng lưới cấp nước chi nhánh 2 - năm 2017	845.861.000	4 năm	6%/năm
- HĐ số 02/2020/HĐTD-QĐTPT ngày 03/6/2020	Mua lại Nhà máy nước mặt Đồng Bình	19.897.000.000	15 năm	6%/năm
- HĐ số 01/2021/HĐTD-QĐTPT ngày 20/4/2021	Mua sắm 02 ép rác (6 tấn/xe)	2.506.000.000	7 năm	6%/năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

* *Chi tiết các khoản vay theo dự án như sau (tiếp):*

Hợp đồng	Dự án	Tiền vay	Thời hạn vay	Lãi suất
- HĐ số 01/2020/HĐTD-QĐTPT ngày 25/5/2020	Dự án Hệ thống cấp nước thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, công suất 3.000 m3/ngày đêm (Hạng mục: Gói 5 và Gói 6)	1.890.477.000	10 năm	6%/năm
- HĐ vay theo hạn mức số 25/2020/VCB-ĐT-CRC ngày 19/6/2020	Vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD	13.862.162.717	6 tháng	5,5%/năm
- HĐ vay theo hạn mức số 25/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 13/5/2021	Vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD	10.340.426.994	6 tháng	5,5%/năm
- HĐ vay từng lần trung hạn dài hạn số 62/2020/VCB-ĐT-CTC ngày 09/12/2020	Mua sắm xe ép rác Hino	1.296.000.000	5 năm	7,4%/năm
- HĐ vay từng lần trung dài hạn số 64/2020/VCB-ĐT-CRC ngày 27/12/2020	Lắp đặt bể chứa nước dung tích 700m3	627.301.700	5 năm	7,4%/năm
- HĐ vay từng lần trung dài hạn số 20/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 25/3/2021	Mua sắm xe Innova	568.500.000	5 năm	7,4%/năm
- HĐ số 31/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 01/6/2021; HĐ số 32/2021/VCB-ĐT-CRC ngày 03/6/2021	Mua TCN Bắc Trang xã Tân Công Chí; mua TCN CDC Xã Phú Hiệp & TDC Mươi Tài Xã Phú Cường H. Tam Nông - TBST + TCN áp Hậu Thành, Xã Tân Dương, H. Lai Vung - NST	1.728.463.275	5 năm	7,4%/năm
- Hợp đồng hạn mức số 70/2021-HĐCVHM/NHCT720 ngày 12/4/2021	Thanh toán tiền mua vật tư	6.396.344.390	5 tháng	6,7%/năm
- HĐ số 01/2013/HĐODA-NHPTVN 09/4/2013	Hệ thống CN TXHN 10.000m3/ngđ (Vay NHPT)	61.693.964.000	15 năm	0,3%/năm
Tổng cộng		148.257.435.076		

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại 01/01/2020	259.181.300.000	12.211.062.365	24.539.476.084	295.931.838.449			
- Lợi nhuận trong năm	-	-	26.710.578.329	26.710.578.329			
- Phân phối lợi nhuận năm 2019	-	7.381.666.221	(24.539.476.084)	(17.157.809.863)			
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	7.381.666.221	(7.381.666.221)	-			
+ Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	(3.568.039.823)	(3.568.039.823)			
+ Trích Quỹ thưởng người quản lý Công ty chuyên trách	-	-	(423.360.000)	(423.360.000)			
+ Chia cổ tức năm 2019	-	-	(13.166.410.040)	(13.166.410.040)			
Tại 31/12/2020	259.181.300.000	19.592.728.586	26.710.578.329	305.484.606.915			
Tại 01/01/2021	259.181.300.000	19.592.728.586	26.710.578.329	305.484.606.915			
- Lợi nhuận trong năm	-	-	32.006.978.488	32.006.978.488			
- Phân phối lợi nhuận năm 2020 (*)	-	8.013.173.499	(26.680.338.329)	(18.667.164.830)			
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	8.013.173.499	(8.013.173.499)	-			
+ Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	(4.019.073.330)	(4.019.073.330)			
+ Trích Quỹ Ban điều hành	-	-	(393.120.000)	(393.120.000)			
+ Chia cổ tức năm 2020	-	-	(14.254.971.500)	(14.254.971.500)			
Tại 31/12/2021	259.181.300.000	27.605.902.085	32.037.218.488	318.824.420.573			

(*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 05/NQ-DHĐCĐ ngày 18/06/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

21.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
UBND tỉnh Đồng Tháp	85,60%	221.854.800.000	85,60%	221.854.800.000
Ông Phan Đình Hùng	0,41%	1.056.000.000	0,41%	1.056.000.000
Ông Nguyễn Văn Đễ	0,22%	577.000.000	0,22%	577.000.000
Ông Nguyễn Thượng Vũ	0,20%	526.000.000	0,20%	526.000.000
Ông Nguyễn Anh Dũng	0,03%	80.000.000	0,03%	80.000.000
Ông Hoàng Quốc Hưng	0,12%	319.000.000	0,12%	319.000.000
Cổ đông khác	13,42%	34.768.500.000	13,42%	34.768.500.000
Cộng	100%	259.181.300.000	100%	259.181.300.000

21.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	259.181.300.000	259.181.300.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	259.181.300.000	259.181.300.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14.254.971.500	13.166.410.040

21.4 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2021 Cổ phiếu	Tại 01/01/2021 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	25.918.130	25.918.130
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	25.918.130	25.918.130
+ Cổ phiếu thường	25.918.130	25.918.130
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.918.130	25.918.130
+ Cổ phiếu thường	25.918.130	25.918.130
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu	382.076.509.470	358.924.622.499
- Doanh thu bán hàng hóa	2.903.459.728	3.691.738.825
- Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt	281.130.509.083	273.323.620.429
- Doanh thu nước đóng chai	7.692.889.091	6.967.154.553
- Doanh thu xây lắp	16.091.448.060	9.737.160.415
- Doanh thu dịch vụ thu gom rác	66.644.731.614	59.362.250.769
- Doanh thu dịch vụ khác	7.613.471.894	5.842.697.508
Doanh thu với các bên liên quan	-	-

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn bán hàng hóa	2.438.588.767	3.149.618.286
Giá vốn cung cấp nước sinh hoạt	192.730.237.697	186.054.899.206
Giá vốn nước đóng chai	5.543.184.521	4.789.142.070
Giá vốn xây lắp	11.832.171.289	7.044.120.251
Giá vốn dịch vụ thu gom rác	58.721.606.762	49.964.656.918
Giá vốn dịch vụ khác	5.757.161.316	4.505.426.493
Cộng	277.022.950.352	255.507.863.224

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	348.176.388	470.570.639
Cổ tức, lợi nhuận được chia	20.000.000	20.000.000
Cộng	368.176.388	490.570.639

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	5.428.990.967	5.051.514.186
Cộng	5.428.990.967	5.051.514.186

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	38.027.114.182	38.390.204.237
- Chi phí nhân viên quản lý	19.009.760.677	17.699.912.455
- Chi phí vật liệu quản lý	277.305.000	527.143.241
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.025.865.799	1.934.918.171
- Chi phí khấu hao TSCĐ	740.101.088	664.116.828
- Thuế, phí và lệ phí	1.547.050.773	2.264.172.898
- (Hoàn nhập) / bổ sung chi phí dự phòng	1.394.180.760	352.007.122
- Trích/ hoàn nhập quỹ khoa học công nghệ	-	3.080.591.285
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	559.563.144	631.310.454
- Chi phí bằng tiền khác	13.473.286.941	11.236.031.783
Chi phí bán hàng	31.119.351.968	29.646.951.606
- Chi phí nhân viên bán hàng	614.481.356	635.942.142
- Chi phí vật liệu, bao bì	14.546.402.452	14.788.928.726
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	396.365.932	439.914.034
- Chi phí khấu hao TSCĐ	13.547.818.347	12.524.227.963
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.716.375.383	1.023.351.693
- Chi phí bằng tiền khác	297.908.498	234.587.048

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập từ phế liệu	-	151.479.273
Thu từ vi phạm hợp đồng	-	2.019.000
Thu nhập từ khách hàng đóng góp chi phí lắp đặt đường ống	20.472.727	28.517.364
Thu nhập từ phí nước thải sinh hoạt giữ lại (*)	6.594.695.298	780.081.600
Thu nhập từ kiểm kê thừa	5.979.513	111.000
Thu nhập khác	96.173.351	138.433.566
Cộng	6.717.320.889	1.100.641.803

(*) Tăng do Phí nước thải sinh hoạt các năm trước được ghi nhận trong năm nay

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	407.284.854	937.225.067
Chi phí hành chính, chậm nộp phạt	-	536.333.000
Chi phí tiền điện	65.947.550	-
Chi phí khác	5.896.862	29.219.200
Cộng	479.129.266	1.502.777.267

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân công	143.246.791.841	133.381.488.600
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	87.141.725.002	77.599.939.589
Chi phí công cụ dụng cụ	3.735.439.566	4.602.537.194
Chi phí khấu hao tài sản cố định	54.090.208.762	49.367.957.196
Thuế, phí và lệ phí	1.547.050.773	2.264.172.898
(Hoàn nhập) / bổ sung chi phí dự phòng	1.394.180.760	352.007.122
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.611.799.583	8.125.479.470
Chi phí bằng tiền khác	44.117.142.234	44.065.491.700
Cộng	345.884.338.521	319.759.073.769

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.084.470.012	30.416.524.421
Các khoản điều chỉnh tăng	1.911.452.652	2.447.785.652
- Chi phí bị phạt thuế, vi phạm hành chính	-	536.333.000
- Chi phí khấu hao không được trừ	1.911.452.652	1.911.452.652
Các khoản điều chỉnh giảm	(20.000.000)	(20.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(20.000.000)	(20.000.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	38.975.922.664	32.844.310.073
Trong đó:		
- Thu nhập từ hoạt động cung cấp nước sinh hoạt và dịch vụ thu gom rác	27.176.930.088	28.629.159.231
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác	11.798.992.576	4.215.150.842
Thuế suất thuế TNDN		
- Thuế suất thuế TNDN ưu đãi	10%	10%
- Thuế suất hoạt động kinh doanh khác không được hưởng ưu đãi thuế	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.829.668.078	3.705.946.092
Chi phí thuế TNDN năm 2020 bị truy thu theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước	247.823.446	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	5.077.491.524	3.705.946.092

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	32.006.978.488	26.710.578.329
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(4.512.695.616)	(3.988.833.330)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (VND) (*)	(454.153.073)	(453.600.000)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	25.918.130	25.918.130
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.043	859

(*) Theo Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán, Công ty chưa ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận 2020 để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Trong năm 2021, căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2021, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khen thưởng ban điều hành như được nêu tại mục 21.1 của Thuyết minh Báo cáo tài chính. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2020 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP)

Ngoài ra, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành trong năm 2021 được tạm tính theo tỷ lệ lần lượt là 14,10% và 1,42% lợi nhuận sau thuế trong năm 2021, căn cứ theo kế hoạch từ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/06/2021.

32. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm nên lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***33. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

Năm 2021	Cung cấp nước sinh hoạt		Dịch vụ thu gom rác		Bán nước đóng chai và vật tư		Dịch vụ xây lắp		Dịch vụ khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	281.130.509.083	66.644.731.614	10.596.348.819	16.091.448.060	7.613.471.894	382.076.509.470					
Giá vốn bộ phận	(192.730.237.697)	(58.721.606.762)	(7.981.773.288)	(11.832.171.289)	(5.757.161.316)	(277.022.950.352)					
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	88.400.271.386	7.923.124.852	2.614.575.531	4.259.276.771	1.856.310.578	105.053.559.118					
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(69.146.466.150)					
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						35.907.092.968					
Doanh thu hoạt động tài chính						368.176.388					
Chi phí tài chính						(5.428.990.967)					
Thu nhập khác						6.717.320.889					
Chi phí khác						(479.129.266)					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(5.077.491.524)					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						32.006.978.488					
Tổng Tài sản						1.047.983.650.546					
Tổng Nợ phải trả						729.159.229.973					

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Năm 2020	Cung cấp nước sinh hoạt		Dịch vụ thu gom rác		Bán nước đóng chai và vật tư		Dịch vụ xây lắp		Dịch vụ khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	273.323.620.429	59.362.250.769	10.658.893.378	9.737.160.415	5.842.697.508	358.924.622.499					
Giá vốn bộ phận	(186.054.899.206)	(49.964.656.918)	(7.938.760.356)	(7.044.120.251)	(4.505.426.493)	(255.507.863.224)					
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	87.268.721.223	9.397.593.851	2.720.133.022	2.693.040.164	1.337.271.015	103.416.759.275					
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(68.037.155.843)					
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						35.379.603.432					
Doanh thu hoạt động tài chính						490.570.639					
Chi phí tài chính						(5.051.514.186)					
Thu nhập khác						1.100.641.803					
Chi phí khác						(1.502.777.267)					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(3.705.946.092)					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						26.710.578.329					
Tổng Tài sản						1.030.998.308.898					
Tổng Nợ phải trả						725.513.701.983					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

34. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt</u>		Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Thu nhập từ tiền lương, thưởng, phụ cấp của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty		4.465.838.199	4.437.804.236
- Ông Phan Đình Hùng	Chủ tịch HĐQT	535.736.358	737.537.249
- Ông Nguyễn Văn Đễ	Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT	695.957.038	678.063.773
- Trần Văn Tấn	Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT	138.801.304	-
- Ông Nguyễn Thượng Vũ	Phó Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT	626.658.235	617.833.999
- Ông Nguyễn Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT	626.008.235	600.842.599
- Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng Ban Kiểm soát	558.663.284	539.666.852
- Bà Phạm Thị Kim Dung	Thành viên BKS	509.669.569	536.161.346
- Ông Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên BKS	187.477.007	173.491.092
- Bà Đinh Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS	9.542.676	-
- Ông Hoàng Quốc Hưng	Kế toán trưởng	577.324.492	554.207.325
Thù lao của Ban Kiểm soát		56.250.000	54.000.000
- Ông Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên BKS	54.000.000	54.000.000
- Bà Đinh Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS	2.250.000	-
Cộng		4.522.088.199	4.491.804.236

35. CÁC THÔNG TIN KHÁC

35.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Công ty thuê đất của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Tháp làm trụ sở theo hợp đồng số 4789/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 16/08/2012, thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 15/01/1997. Theo quyết định 6790/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp được phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hằng năm sang trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đất còn lại (từ ngày 27/12/2016 đến hết ngày 14/01/2017). Hiện Công ty đang tiến hành các thủ tục tham gia đấu giá quyền sử dụng đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

35. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

35.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)

- Hợp đồng thuê đất số 20/HĐTĐ ngày 24/06/2009 giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích là 2.545 m² và đơn giá thuê đất là 2.438 đồng/m²/năm (ổn định trong vòng 05 năm). Tại ngày 11/09/2017, Công ty Cổ Phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận số CT06226 với tổng diện tích là 1.905,6 m².
- Hợp đồng thuê đất số 32/HĐTĐ ngày 30/05/2008 giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích là 826,5 m² và đơn giá thuê đất là 308 đồng/m²/năm (ổn định trong vòng 05 năm).
- Hợp đồng thuê đất số 35/HĐTĐ ngày 25/12/2009 Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích là 6.837,1 m² và đơn giá thuê đất là 539 đồng/m²/năm (ổn định trong vòng 05 năm).

Công ty được miễn tiền thuê đất hàng năm theo Điều 1, Nghị định 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 sửa đổi, bổ sung Nghị định 117/2007/NĐ-CP về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

35.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

35.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tại ngày 31/12/2021, khoản nợ ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán (sau khi trừ các khoản phải trả bằng dự án và tài sản dài hạn khác) đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị là 10.786.986.885 đồng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty có thể tạo đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Theo đó, Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 vẫn được lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Ngoài ra, không có bất kỳ sự kiện nào khác gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

35.4 THÔNG TIN KHÁC

Theo Biên bản kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Kiểm toán Nhà nước khu vực IX ngày 11/05/2021, tổng ảnh hưởng của các nội dung điều chỉnh dẫn đến lợi nhuận trước thuế tăng thêm 453.660.160 đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp tăng thêm 247.823.446 đồng, và do đó lợi nhuận sau thuế tăng thêm 205.836.714 đồng. Công ty đã thực hiện điều chỉnh các nội dung này vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

35. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

35.5 CÁC THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán. Như được nêu tại mục 31 và 32 của Thuyết Minh báo cáo tài chính, một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh như sau:

Chỉ tiêu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mã số	Năm 2020	Năm 2020
		đã kiểm toán	sau điều chỉnh
		VND/cổ phiếu	VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1031	859
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1031	859

Tp. Cao Lãnh, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Lý Thu Cúc

Kế toán trưởng

Hoàng Quốc Hưng

Tổng Giám đốc

Trần Văn Tấn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 04 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Trần Văn Tấn